

Số: 5990/UBND-KTTH
V/v rà soát, hoàn thiện kế hoạch
đầu tư công trung hạn giai đoạn
2026-2030

Gia Lai, ngày 13 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; Văn bản số 5302/BTC-NSNN ngày 28/4/2026 của Bộ Tài chính về đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, hiệu quả đầu tư đối với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Tài chính dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2026-2030:

Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức và thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Điều 54 Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 72/2025/UBTVQH15 ngày 7/2/2025 và Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương; trong đó bố trí vốn cho các danh mục, dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Các dự án tại văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc.
- Các dự án đường bộ cao tốc, dự án trọng điểm liên vùng, các dự án có tính chất đột phá về phát triển kinh tế - xã hội; các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Các chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, giáo dục, đào tạo, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Các chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Các chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

- Các dự án để thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với các nghị quyết của Trung ương Đảng, các chỉ đạo, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh.

Riêng đối với tỉnh Gia Lai, ngoài các nguyên tắc trên, thì căn cứ để xuất nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2026-2030 còn xét đến các yếu tố đặc thù:

- Sau sáp nhập, tỉnh Gia Lai có diện tích tự nhiên trên 21.576 km², là tỉnh có diện tích lớn thứ hai cả nước; dân số trên 3,5 triệu người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 23% dân số, có số lượng xã đặc biệt khó khăn, xã đảo, xã biên giới lớn (tổng cộng 73 xã đặc biệt khó khăn khu vực III, 07 xã biên giới, 01 xã đảo) và cũng là khu vực thường xuyên chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu ... Gia Lai phải thực hiện chỉ tiêu tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) đạt 10-10,5% theo kết luận của Trung ương.

- Các khó khăn, vướng mắc bao gồm: (i) Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, tích lũy nội bộ hạn chế, tái đầu tư từ nguồn lực địa phương chưa đáp ứng yêu cầu tăng trưởng, (tổng thu ngân sách năm 2025 trên địa bàn tỉnh chỉ đảm bảo khoảng 70% nhiệm vụ chi của tỉnh); (ii) Hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng giao thông liên vùng, kết nối nội tỉnh (trục đông - tây) và hạ tầng logistics, hạ tầng thủy lợi và an ninh nguồn nước là “điểm nghẽn”; (iii) Phát triển kinh tế gắn liền với quốc phòng – an ninh còn lúng túng do một vài khu vực trên địa bàn phải ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng – an ninh làm hạn chế không gian phát triển kinh tế; (iv) Việc thực hiện các NQ/TW như: Nghị quyết số 57, 68, 70, 71, 72, 79, 80 - NQ/TW chưa xác định rõ cơ cấu nguồn vốn NSTW/NSDP để triển khai, nguồn lực địa phương còn hạn chế; (v) Huy động nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách nhà nước tại một số dự án có tính chất dẫn dắt gặp khó khăn trong thu xếp vốn.

- Cần thiết phải tập trung nguồn lực bao gồm cả nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương trong giai đoạn 2026 – 2030, để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội vùng phía tây tỉnh Gia Lai nhằm cải thiện đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số, củng cố quốc phòng an ninh theo Nghị quyết số 23-

NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên, Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên.

II. DỰ KIẾN TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030:

Qua rà soát nhu cầu đầu tư của các dự án để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh, tổng nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của tỉnh dự kiến là **204.002,353 tỷ đồng** (theo phụ lục 01 kèm theo). Cụ thể phương án phân bổ như sau:

II.1. Vốn ngân sách trung ương: 130.244,59 tỷ đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách trung ương trong nước: 117.917,201 tỷ đồng.

1.1. Các Chương trình mục tiêu quốc gia: 32.237,168 tỷ đồng.

1.2. Bố trí cho các dự án: 85.680,033 tỷ đồng cho 44 dự án (giảm 57,3% so với giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2021-2025 bố trí cho 103 dự án), cụ thể:

a) Dự án chuyển tiếp: 895,163 tỷ đồng cho 09 dự án, cụ thể:

- Giao thông: 386,7 tỷ đồng cho 05 dự án.

- Nông nghiệp: 466,773 tỷ đồng cho 02 dự án.

- Văn hóa: 101,69 tỷ đồng cho 02 dự án.

b) Dự án quan trọng quốc gia: Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku: 42.384 tỷ đồng.

Dự án đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 219/2025/QH15 ngày 27/6/2025 với tổng mức đầu tư 43.734 tỷ đồng, trong đó NSTW là 42.484 tỷ đồng, năm 2025 đã bố trí 100 tỷ đồng vốn chuẩn bị đầu tư. Còn lại 42.384 tỷ đồng vốn NSTW dự kiến bố trí trong giai đoạn 2026 - 2030 (UBND tỉnh đã có Văn bản số 5905/UBND-KTTH ngày 12/5/2026 báo cáo, đề xuất cụ thể đối với nội dung này).

c) Dự án khởi công mới:

- Dự án trọng điểm, liên vùng: 8.100 tỷ đồng cho dự án Các tuyến đường kết nối Đông – Tây, với tổng mức đầu tư khoảng 9.963 tỷ đồng, trong đó chi phí xây lắp khoảng 8.100 tỷ đồng đề nghị hỗ trợ từ ngân sách trung ương, phần vốn còn lại 1.863 tỷ đồng tỉnh sẽ bố trí đối ứng từ ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026-2030. Dự án nhằm hoàn thiện mạng lưới giao thông của tỉnh, kết nối khu vực phía Đông và phía Tây của tỉnh để làm động lực thúc đẩy phát triển hạ tầng vùng phía Tây tỉnh nhằm cải thiện đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số

và củng cố quốc phòng an ninh đã được xác định tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên và Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên.

- Dự án đường ven biển – dự án liên vùng: 635 tỷ đồng cho dự án Đường ven biển đoạn Cầu Thiện Chánh đi Quảng Ngãi. Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 với tổng mức đầu tư 1.088 tỷ đồng, trong đó chi phí xây lắp 635 tỷ đồng đề nghị hỗ trợ từ ngân sách trung ương, phần vốn còn lại 453 tỷ đồng tỉnh sẽ bố trí đối ứng từ ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026-2030. Quy mô dự án dài 3,13Km theo tiêu chuẩn đường phố chính thứ yếu (TCVN 13592:2022), bề rộng nền 20,5m; cầu Extradosed vĩnh cửu bề rộng cầu 18m, chiều dài cầu 358,3m. Dự án được đầu tư sẽ kết nối hoàn thiện hệ thống đường ven biển, kết nối thông tuyến giữa hai tỉnh Quảng Ngãi và Gia Lai.

- Bố trí cho các dự án theo ngành, lĩnh vực: 33.665,87 tỷ đồng cho 32 dự án, cụ thể:

- + Y tế: 750 tỷ đồng cho 02 dự án.
- + Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số: 1.806,85 tỷ đồng cho 07 dự án.
- + Giao thông: 11.079,02 tỷ đồng cho 12 dự án.
- + Nông nghiệp: 19.030 tỷ đồng cho 07 dự án.
- + Hạ tầng kỹ thuật: 300 tỷ đồng cho 02 dự án.
- + Thể thao: 100 tỷ đồng cho 01 dự án.
- + Văn hóa: 600 tỷ đồng cho 01 dự án.

(Chi tiết theo phụ lục 02, 03 kèm theo)

2. Vốn ODA: 12.327,388 tỷ đồng để bố trí cho 10 dự án (giảm 33,3% so với giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2021-2025 là 15 dự án); trong đó: 52,055 tỷ đồng cho 02 dự án chuyển tiếp và 6.643,589 tỷ đồng cho 05 dự án khởi công mới; bổ sung thêm 3 dự án đang nghiên cứu phương án đầu tư để đề xuất khoản vay với nhu cầu vốn ODA là 5.631,744 tỷ đồng (Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ của sông Hà Thanh, sông Kôn với TMĐT 5.411 tỷ đồng; Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn đô thị Quy Nhơn và các đô thị vệ tinh An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn với TMĐT 4.492 tỷ đồng; Xây dựng hạ tầng thúc đẩy phát triển toàn diện khu vực Tây Gia Lai với TMĐT 11.244 tỷ đồng).

(Chi tiết phụ biểu 04 kèm theo)

II.2. **Vốn ngân sách địa phương:**

Qua rà soát nhu cầu đầu tư các dự án là **73.757,763 tỷ đồng**; tuy nhiên dự kiến khả năng cân đối vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 là **65.743 tỷ đồng**, trong đó: (i) Vốn đầu tư tập trung: 10.259 tỷ đồng; (ii) Tiền sử dụng đất: 51.000 tỷ đồng; (iii) Vốn xỏ số kiến thiết: 2.294 tỷ đồng; (iv) Bội chi ngân sách: 2.190 tỷ đồng. Cụ thể phương án phân bổ như sau:

1. **Bố trí cho các chương trình, nhiệm vụ:** 41.987 tỷ đồng:

- Vốn phân cấp xã, phường thực hiện: 11.790 tỷ đồng.
- Vốn chuẩn bị đầu tư: 260 tỷ đồng.
- Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: 35 tỷ đồng.
- Chi ngân hàng chính sách xã hội tỉnh: 2.000 tỷ đồng.
- Vốn thanh toán các công trình quyết toán: 350 tỷ đồng.
- Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: 35 tỷ đồng.
- Hỗ trợ trả nợ các dự án cấp huyện: 5.000 tỷ đồng.
- Trả nợ ngân sách: 900 tỷ đồng
- Chương trình BTXM giao thông nông thôn và kiên cố hóa kênh mương: 1.250 tỷ đồng
- Đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia: 2.500 tỷ đồng
- Đối ứng các dự án ODA: 3.677 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách: 2.190 tỷ đồng.
- Hỗ trợ đầu tư các dự án trên địa bàn các xã, phường: 6.000 tỷ đồng
- Vốn dự phòng: 6.000 tỷ đồng.

2. Bố trí cho các dự án: 23.756 tỷ đồng cho 235 dự án (giảm 70,4% so với giai đoạn 2021-2025 giai đoạn 2021-2025 là 795 dự án)

a) Dự án chuyển tiếp: 11.235,224 tỷ đồng cho 132 dự án.

b) Dự án khởi công mới: 12.520,776 tỷ đồng cho 103 dự án.

(Chi tiết phụ biểu 05, 06 kèm theo)

3. Danh mục dự kiến đầu tư khi phát sinh nguồn tăng thu ngân sách địa phương: 8.014,763 tỷ đồng để đầu tư cho 61 dự án (Chi tiết phụ biểu 07 kèm theo).

Trên đây là nội dung dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, T5, T7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ biểu 01
DỰ KIẾN TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030



Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Dự kiến Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
1	2	3	
	TỔNG SỐ	204.002.353	
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	130.244.590	
I.1	Vốn NSTW trong nước	117.917.201	
1	Các thực hiện các chương trình MTQG	32.237.168	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.530.190	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa	5.684.850	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống ma túy	549.638	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo	17.037.000	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển	5.435.490	
2	Các dự án	85.680.033	
a)	Dự án chuyển tiếp	895.163	
b)	Dự án quan trọng quốc gia (Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku)	42.384.000	
c)	Dự án khởi công mới	42.400.870	
-	Dự án trọng điểm, liên vùng	8.100.000	
-	Dự án đường ven biển - dự án trọng điểm liên vùng	635.000	
-	Các dự án NSTW hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực	33.665.870	
I.2	VỐN ODA	12.327.388	

TT	Nguồn vốn	Dự kiến Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
II	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	73.757.763	
II.1	VỐN TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	65.743.000	
1	Vốn đầu tư tập trung	10.259.000	
-	<i>Vốn phân cấp xã, phường</i>	3.077.160	
-	<i>Vốn tỉnh bố trí</i>	7.181.840	
2	Nguồn tiền sử dụng đất	51.000.000	
-	<i>Vốn phân cấp xã, phường</i>	8.712.840	
-	<i>Vốn tỉnh bố trí</i>	42.287.160	
3	Vốn xổ số kiến thiết	2.294.000	
4	Bội chi ngân sách	2.190.000	
II	DANH MỤC ĐẦU TƯ KHI CÓ NGUỒN VỐN NSDP PHÁT SINH	8.014.763	



Phụ biểu 02

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC ĐẦU TƯ CHO CÁC DỰ ÁN

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bỏ trí			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							NSTW	NST		NSTW	NST		
TỔNG SỐ											85.680.033		
A	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP											895.163	
a)	Giao thông											386.700	
1	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trường Chinh – đường Lê Thánh Tôn), thành phố Pleiku.	B	phường Diên Hồng, Hội Phú	2022 - 2026	1136/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	260.000	260.000	0	185.742	185.742	0	74.258	
2	Đường liên huyện Mang Yang - Ia Pa, đường Tỉnh 669 và đường từ thành phố Pleiku đi trung tâm huyện Đak Đoa	B	tỉnh Gia Lai	2023 - 2026	744/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	650.000	650.000	0	601.719	601.719	0	48.281	
3	Đường liên xã huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	B	xã Ia Grai	2023 - 2026	589/QĐ ngày 05/11/2022; 486/QĐ-UBND ngày 22/4/2023	120.000	120.000		81.531	81.531		38.469	
4	Đường liên xã huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	B	xã Kbang	2024 - 2026	734/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	135.000	135.000		105.078	105.078		29.922	
5	Kè chống sạt lở suối Hội Phú (đoạn từ đường Lê Thánh Tôn đến đường Nguyễn Trung Trực - Chùa Minh Thành), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	B	phường Pleiku	2025-2027	346/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	450.164	200.000	250.164	8.175	4.230	3.945	195.770	
b)	Nông nghiệp											406.773	
1	Xây dựng các hồ chứa nước và hoàn thiện kênh mương thủy lợi	B	tỉnh Gia Lai	2025-2027	481/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	485.000	485.000	0	142.010	142.010	0	342.990	
2	Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuról, huyện Chư Păh	B	xã Chư Păh	2024-2027	1135/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	150.000	100.000	50.000	36.217	36.217	0	63.783	
d)	Văn hóa											101.690	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt tháp Chăm Dương Long	B	xã Bình An		4215/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	93.333	70.000	23.333	18.600	18.000	600	52.000	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
							NSTW	NST		NSTW	NST		
2	Phong trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai (Tây Sơn Thượng Đạo)	B	phường An Khê	2025 - 2026	561/QĐ-UBND ngày 17/06/2025	50.000	50.000	0	310	310	0	49.690	
B	DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA											42.384.000	Chi tiết phụ lục 03
C	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI											42.400.870	Chi tiết phụ lục 03



Phụ biểu 03

ĐIỀU KIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRONG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC ĐẦU TƯ CHO CÁC DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Tên giao kết công hoàn thành	Biên độ dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án		Lũy kế vốn đã bỏ trí			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô dự án	Tỉnh khả thi dự án	Sự phù hợp với quy hoạch (***)	Ghi chú		
						Số Quyết định	Ngày phê duyệt	Trong đó		Tổng số							Trong đó	
								NSTW	NST								NSTW	NST
TỔNG SỐ											84.784.870							
A	DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA																	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku	Quan trọng quốc gia	tỉnh Gia Lai	2025-2029		219/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	43.734.000	42.484.000	1.250.000	897.495	100.000	797.495	42.384.000					
-	Dự án thành phần 1: đoạn tuyến từ Km0+000 - Km22+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku					Đã khởi công	2710/QĐ-UBND; 22/11/2025	6.989.000	6.285.670	703.330	677.330	24.000	653.330	6.261.670				Thực hiện mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại theo định hướng của Đảng và Nhà nước; đáp ứng nhu cầu vận tải trên trục Đông - Tây và bảo đảm an ninh quốc phòng
-	Dự án thành phần 2: đoạn tuyến từ Km22+000 - Km90+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku					Đã khởi công	426/QĐ-UBND; 30/01/2026	27.576.000	27.529.330	46.670	61.000	46.000	15.000	27.483.330				
-	Dự án thành phần 3 đoạn tuyến từ km90+000-km125+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku					Đã phê duyệt dự án đầu tư	2927/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	9.169.000	8.669.000	500.000	159.165	30.000	129.165	8.639.000				
B	DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI																	
I	Dự án trọng điểm, liên vùng																	
1	Các tuyến đường kết nối Đông - Tây	A	tỉnh Gia Lai	2027-2030		Đang chuẩn bị đầu tư	0	9.963.520	8.100.000	1.863.520	0	0	0	8.100.000				Đầu tư thực hiện dự án nhằm tăng cường kết nối Đông - Tây, hoàn thiện mạng lưới giao thông liên vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là vùng phía Tây tỉnh nhằm cải thiện đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số và củng cố quốc phòng an ninh.
																		+ Đường kết nối Văn Canh - Kông Chro 81,0Km, Tuyến kết nối Vĩnh Thành - Phú Cát 47,8Km, Xây dựng các trục kết nối với Đường bộ cao tốc 12,58Km, Nâng cấp, mở rộng đường phía Tây tỉnh DT.838: 32,1Km
																		Dự án mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội và củng cố an ninh quốc phòng.
II	Dự án đường ven biển, liên vùng																	
1	Đường ven biển đoạn Cầu Thiện Chánh đi Quảng Ngãi	B	phường Hoài Nhơn Bắc			Đã phê duyệt CTĐT	870/QĐ-UBND; 14/3/2025	1.088.000	635.000	453.000	250	0	250	635.000				Tuyến đường hình thành có ý nghĩa kết nối thông tuyến giữa Gia Lai và Quảng Ngãi nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên biển và vùng ven biển, tăng cường quốc phòng, an ninh trên tuyến biển.
																		Chiều dài tuyến khoảng L=3.06km
																		Tỷ suất nội hoàn tài chính E-IRR: 15%; Giá trị hiện tại thuần NPV: 269 tỷ đồng; Tỷ suất lợi ích/chi phí (B/C): 1,4
																		Phù hợp với quy hoạch đường bộ ven biển Việt Nam đã được phê duyệt tại quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ
III	Các dự án theo ngành, lĩnh vực																	
a)	Y tế																	33.665.870
																		750.000

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ dự án	Quyết định phê duyệt CTDĐT/ phê duyệt dự án				Lấy kê vốn đã bỏ đi			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô dự án	Tình khả thi dự án	Sự phù hợp với quy hoạch (****)	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó							
								NSTW	NST		NSTW	NST						
1	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Mắt Bình Định (Giai đoạn 2)	B	phường Quy Nhơn	2025-2028	Đã khởi công	1539/QĐ-UBND; 23/8/2025	299.659	200.000	99.659	5.000	0	5.000	200.000	Việc đầu tư dự án nhằm nâng cao cơ sở vật chất, đảm bảo diện tích và đầy chuyên công năng khám chữa bệnh cho các khoa, phòng của Bệnh viện Mắt, đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế bệnh viện hiện hành, đạt mục tiêu chất lượng, hiện đại, đáp ứng tốt nhất cho công tác khám và điều trị bệnh tại Bệnh viện.	Xây mới Nhà điều trị nội trú - Phẫu thuật gây mê hồi sức - Hành chính, với quy mô 100 giường bệnh; Cải tạo, nâng cấp hạng mục Nhà khám - điều trị ngoại trú - kỹ thuật nghiệp vụ - hành chính thành Khoa khám - cấp cứu, đầu tư trang thiết bị và các hạng mục phụ trợ.	NPV đạt +88,205 tỷ đồng và IRR đạt 13,47%. NPV đương và IRR cao hơn suất chiết khấu 10% cho thấy dự án có hiệu quả tài chính sơ bộ theo kịch bản giá định. Dòng tiền thuần ổn định tối thiểu để NPV bằng 0 khoảng 33,963 tỷ đồng/năm, biến an toàn theo dòng tiền giá định khoảng 11,037 tỷ đồng/năm.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP	
2	Dự án: Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh (Xây dựng mới đơn nguyên)	B	phường Quy Nhơn	2025-2028	Đã phê duyệt dự án đầu tư	2233/QĐ-UBND; 15/10/2025	699.260	550.000	149.260	5.268	0	5.268	550.000	Việc đầu tư Dự án nhằm nâng cao cơ sở vật chất, đảm bảo diện tích chuyên dùng, đầy chuyên công năng phục vụ công tác khám chữa bệnh cho các khoa, phòng chức năng của Bệnh viện đa khoa tỉnh, đạt mục tiêu chất lượng, hiện đại, đáp ứng tốt nhất cho công tác khám và điều trị bệnh tại Bệnh viện.	Xây mới Nhà điều trị, với quy mô 472 giường bệnh; đầu tư trang thiết bị và các hạng mục phụ trợ.	NPV đạt +250,599 tỷ đồng và IRR đạt 14,23%. NPV đương và IRR cao hơn suất chiết khấu 10% cho thấy dự án có hiệu quả tài chính sơ bộ theo kịch bản giá định. Dòng tiền thuần ổn định tối thiểu để NPV bằng 0 khoảng 78,684 tỷ đồng/năm; so với dòng tiền giá định, biến an toàn khoảng 31,316 tỷ đồng/năm.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP	
<i>b)</i>	<i>Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số</i>												1.806.850					
1	Dự án "Triển khai đầu tư phòng thí nghiệm bán dẫn dạng chung"	B	Gia Lai	2026-2029	Đang chuẩn bị đầu tư		100.000	100.000	0	0	0	0	100.000	Dự án nhằm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong các lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), an toàn và an ninh mạng (ANM), đáp ứng nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và thị trường lao động. Đồng thời, xây dựng Gia Lai thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao hàng đầu, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế số và công nghiệp công nghệ cao tại Việt Nam	Đầu tư 01 Phòng thí nghiệm Thiết kế và Nguyên mẫu vi mạch và 01 Phòng thí nghiệm Kiểm thử và đánh giá vi mạch	Dự án nhằm đạt được mục tiêu đề ra Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 23/05/2025 về đề án Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn và an ninh mạng tỉnh Bình Định giai đoạn 2025-2030: "Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong các lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, AI, an toàn và ANM, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và thị trường lao động".	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bỏ trí				Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô dự án	Tỉnh khả thi dự án	Sự phù hợp với quy hoạch (***)	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
								NSTW	NST		NSTW	NST							
2	Dự án: Thành lập phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học	B	Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		90.000	90.000	0	0	0	0	90.000	Dự án phát triển và ứng dụng các Công nghệ sinh học tiên tiến nhằm phục vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và môi trường. Nâng cao năng lực nghiên cứu triển khai và chuyển giao công nghệ của cán bộ khoa học trong tỉnh nói chung và trong lĩnh vực Công nghệ sinh học, Công nghệ sinh học nano nói riêng nhằm góp phần đẩy nhanh ứng dụng Công nghệ sinh học vào thực tiễn sản xuất ở địa phương.	-Dự án đầu tư xây dựng mới một tòa nhà riêng biệt trong khuôn viên Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ - Cơ sở 2, thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh Gia Lai. Công trình Phòng thí nghiệm được xây dựng với quy mô 3 tầng (tổng diện tích 1.500m2), được thiết kế hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn theo quy định hiện hành. Đồng thời cải tạo nhà làm việc (2 tầng) hiện có với diện tích 360m2. - Đầu tư trang thiết bị phục vụ phòng thí nghiệm	Dự án thực hiện nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, chú trọng vào lĩnh vực Công nghệ nano và sinh trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và y dược; phát triển, chuẩn hóa và làm chủ các quy trình Công nghệ nano vi sinh có hiệu quả ứng dụng cao, có tiềm năng chuyển giao các tổ chức, cá nhân có nhu cầu ở địa phương và cả nước. Đào tạo và nâng cao năng lực nghiên cứu cho sinh viên, học viên sau đại học và cán bộ nghiên cứu trong lĩnh vực Công nghệ nano vi sinh trong và ngoài tỉnh.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP		
3	Dự án "Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vũ trụ theo Chiến lược phát triển khoa học công nghệ vũ trụ Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ"	B	Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		300.000	300.000	0	0	0	0	300.000	Tỉnh Gia Lai, với vị trí chiến lược tại khu vực miền Trung Việt Nam, sở hữu điều kiện tự nhiên thuận lợi để triển khai các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vũ trụ. Khu vực này nằm gần đường xích đạo và có mức độ ô nhiễm ánh sáng thấp. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hệ thống quan sát thiên văn, như kính 0,6m tại Đài thiên văn Quy Nhơn và hệ kính giao thoa dự kiến đầu tư, để phân tích tín hiệu thiên văn và nghiên cứu khoa học	- Xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vũ trụ tại Quy Nhơn với diện tích khoảng 1.800 m ² , bao gồm các khu vực chức năng như văn phòng, phòng thí nghiệm, khu vực đào tạo, và khu vực chế tạo... là cơ sở chính để triển khai các hoạt động đào tạo, chuyển giao công nghệ	Dự án nâng cấp và bổ sung chức năng cho Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo để hình thành năng lực nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ không gian, vũ trụ; thực hiện và tham gia các hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế, hướng tới thiết lập một trung tâm đầu mối tại khu vực miền Trung, trở thành hạt nhân khoa học công nghệ (KHCN) vũ trụ, góp phần thực hiện Chiến lược phát triển và ứng dụng KHCN vũ trụ quốc gia.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP		
4	Triển khai Đề án STEM	B	Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		484.850	484.850	0	0	0	0	484.850	Trong chiến lược phát triển, tỉnh Gia Lai đang tập trung đầu tư hoàn thiện các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, và các hạ tầng hỗ trợ khác nhằm thu hút các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ và bán dẫn. Dự án được xây dựng nhằm triển khai giáo dục STEM một cách bền vững từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, là nền tảng để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành công nghệ bán dẫn, AI và an ninh mạng và đưa Gia Lai trở thành trung tâm khoa học - công nghệ khu vực miền Trung.	Xây dựng chương trình giáo dục STEM; trang bị cơ sở vật chất; Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; Triển khai các hoạt động giáo dục STEM.	- 100% học sinh phổ thông được tiếp cận giáo dục STEM - Phần đầu 15% học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông được tiếp cận giáo dục STEM - Tiếp tục đào tạo 3.570 giáo viên đạt chuẩn năng lực giáo dục STEM	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án			Lũy kế vốn đã bỏ trí			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô dự án	Tỉnh khả thi dự án	Sự phù hợp với quy hoạch (***)	Ghi chú	
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó							
								NSTW	NST		NSTW							NST
5	Xây dựng Bảo tàng số - Bảo tàng Quang Trung phục vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản	B	Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		100.000	100.000	0	0	0	0	100.000	Xây dựng mô hình "Bảo tàng số" nhằm đổi mới toàn diện hoạt động trưng bày, giáo dục, tuyên truyền và quảng bá. Thông qua đó, tạo ra sản phẩm dịch vụ du lịch số phong phú, hấp dẫn, góp phần phát huy giá trị di sản văn hóa, đồng thời đưa Bảo tàng Quang Trung trở thành một điểm đến thông minh, có sức cạnh tranh cao.	Xây dựng mô hình "Bảo tàng số" nhằm đổi mới toàn diện hoạt động trưng bày, giáo dục, tuyên truyền và quảng bá. Thông qua đó, tạo ra sản phẩm dịch vụ du lịch số phong phú, hấp dẫn, góp phần phát huy giá trị di sản văn hóa, đồng thời đưa Bảo tàng Quang Trung trở thành một điểm đến thông minh, có sức cạnh tranh cao.	Bảo tàng Quang Trung đặt mục tiêu đến năm 2030 sẽ trở thành một "Bảo tàng số" trong việc ứng dụng công nghệ để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Khi đó, bảo tàng không còn là một không gian trưng bày tĩnh, mà là một môi trường học tập, khám phá sống động.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ	
6	Ứng dụng công nghệ UAV/Drone (thiết bị bay không người lái) và AI (trí tuệ nhân tạo) trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	B	tỉnh Gia Lai	2026-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		600.000	600.000	0	0	0	0	600.000	Việc ứng dụng UAV và AI là cấp bách để khắc phục những hạn chế của phương thức quản lý truyền thống vốn phụ thuộc vào kiểm tra thủ công, chi phí cao và độ chính xác thấp, đặc biệt trong bối cảnh Gia Lai có địa hình rộng lớn, phức tạp và khó tiếp cận. Công nghệ này cho phép thu thập dữ liệu không gian điện rộng, chính xác và cập nhật theo thời gian thực, đáp ứng nhu cầu quản lý hiện đại trong các lĩnh vực tài nguyên, môi trường, xây dựng và nông nghiệp. Đồng thời, dự án nhằm hoàn thành Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII	Dự án được triển khai theo hướng tập trung, đồng bộ và đúng chủng dữ liệu với 04 nhóm nhiệm vụ trọng tâm: (1) Thiết bị và biến đổi khí hậu (dự báo ngập lụt, sạt lở, giám sát hồ đập...); (2) Quản lý rừng và tài nguyên (phát hiện phá rừng, cháy rừng, giám sát khoáng sản...); (3) Hệ tầng, đô thị và xây dựng (đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai...); giám sát dự án đầu tư, đánh số nhà, định danh đại điểm)... và (4) Nông nghiệp thông minh (phân tích diện tích, cơ cấu cây trồng...) trên địa bàn toàn tỉnh.	Dự án có tính khả thi cao nhờ sự đồng bộ với chiến lược chuyển đổi số của tỉnh và lộ trình thực thi chặt chẽ giữa các sở, ngành. Điểm then chốt cho sự thành công là khả năng tạo lập một CSDL đồng chung (Big Data) thống nhất toàn tỉnh, giúp xóa bỏ tình trạng cắt cứ dữ liệu và lãng phí nguồn lực khi nhiều đơn vị cùng bay chụp một khu vực. Việc dùng chung này cho phép một bộ dữ liệu không gian từ UAV có thể phục vụ đa mục tiêu theo mô hình "đầu tư một lần, khai thác đa ngành", không chỉ đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong quản lý mà còn tối ưu hóa ngân sách và tạo nền tảng cho các quyết sách điều hành tiên thông, hiệu quả	Phù hợp Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030	
7	Trung tâm an ninh mạng tỉnh Gia Lai.	B	tỉnh Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		132.000	132.000					132.000	Dự án thực hiện yêu cầu bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	Trang bị tại phòng giám sát, điều hành an ninh mạng, phòng máy chủ. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và giám sát, điều hành; Hệ thống giám sát an ninh mạng SOC; Hệ thống phân tích, khai thác dữ liệu thông tin tình báo an ninh mạng (TIP).	Trung tâm An ninh mạng tỉnh Gia Lai sẽ đóng vai trò là hạt nhân trong công tác chỉ huy, điều hành, giám sát và phối hợp tác chiến số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về an ninh mạng, bảo vệ chủ quyền số và ổn định xã hội trên toàn địa bàn tỉnh trong tình hình mới.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ	
c)	Giao thông												11.079.020					
1	Tuyến đường kết nối từ Cao tốc Bắc - Nam về Khu công nghiệp Phú Mỹ và Bến cảng Phú Mỹ	B	xã Bình Dương, Phú Mỹ Tây, Phú Mỹ Đông	2025-2029	Đã khởi công	1045/QĐ-UBND, 6/8/2025	2.114.646	1.900.000	214.646	105.000	0	105.000	1.900.000	Dự án hướng đến mục tiêu hoàn thành và đưa vào khai thác đồng bộ tuyến đường kết nối từ cao tốc Bắc-Nam phía Đông về KCN Phú Mỹ và Bến cảng Phú Mỹ, đảm bảo năng lực vận tải lớn, an toàn giao thông, tốc độ cao	Xây dựng tuyến đường có chiều dài L=16,39Km theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054:2005), có tốc độ thiết kế: V=80 km/h, Bề rộng nền đường Bn=22m, mặt đường bê tông nhựa, toàn tuyến xây dựng 06 công trình cầu theo tiêu chuẩn TCVN11823:2017; Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng và ATGT trên toàn tuyến.	Tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư sản xuất kinh doanh. Giá trị sản phẩm gia tăng và mức đóng góp cho ngân sách ở các lĩnh vực lân cận do dự án mang lại là rất lớn, biểu hiện ở chỗ là tiền đề, điều kiện cho các lĩnh vực sản xuất trực tiếp phát triển và tạo hành lang đầu tư mới mặt của đời sống xã hội.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bỏ trí				Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô dự án	Tình khả thi dự án	Sự phù hợp với quy hoạch (***)	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
								NSTW	NST		NSTW	NST							
2	Dự án Tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đến đường ven biển (ĐT.639) kết nối với Cảng Đê Gi	B	xã Hòa Hội, xã Đê Gi	2025-2028	Đã khởi công	1565/QĐ-UBND; 26/8/2025	1.432.000	1.200.000	232.000	80.500	0	80.500	1.200.000	Dự án tăng cường khả năng lưu thông, kết nối từ tuyến đường ĐT.634, qua khu vực chợ Gồm đến khu vực đăm Đê Gi và đường ven biển kết nối với Cảng Đê Gi, kết nối với dự án đường bộ cao tốc Bắc-Nam, tạo động lực phát triển mới cho các địa phương, khai thác quỹ đất dọc tuyến đường.	Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054:2005), chiều dài xây dựng tuyến L=17,146 Km.	Tỷ suất nội hoàn tài chính E-IRR: 21,75%; Giá trị hiện tại thuần NPV: 1,270,38 tỷ đồng; Tỷ suất lợi ích/chi phí (B/C): 2,82	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP		
3	Dự án Tuyến đường kết nối từ đường bộ cao tốc Bắc - Nam đến Khu Công nghiệp Hoài Mỹ, Hoài Nhơn	B	Phường Hoài Nhơn và phường Hoài Nhơn Đông	2026-2029	Đã phê duyệt dự án đầu tư	2238/QĐ-UBND; 26/6/2025	1.616.000	1.400.000	216.000	400	0	400	1.400.000	Việc đầu tư dự án là cần thiết nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong môi trường đầu tư, thu hút nhà đầu tư, tạo động lực và sức lan tỏa phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương, đảm bảo an ninh quốc phòng, từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn Hoài Nhơn nói riêng và tỉnh Gia Lai nói chung.	Xây dựng đoạn tuyến chính và tuyến nhánh kết nối đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054:2005); Chiều dài xây dựng: L=9,02km (bao gồm: tuyến chính dài 7,45km và đoạn tuyến nhánh dài 1,57km).	Tỷ suất nội hoàn tài chính E-IRR: 15%; Giá trị hiện tại thuần NPV: 830,14 tỷ đồng; Tỷ suất lợi ích/chi phí (B/C): 1,583	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP		
4	Đường Vành đai 1 (Quốc lộ 25 - cầu Ia Hào), thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	B	Phường Ayun Pa, xã Ia Rbol	2026-2028	Đã phê duyệt CTĐT	394/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 450/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	200.000	200.000	0	2.250	2.250	0	197.750	Việc đầu tư xây dựng tuyến quy hoạch vành đai 1 nhằm đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại và sau này, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội cho địa phương, nâng cao năng lực vận tải phục vụ nhu cầu đi lại và hoạt động sản xuất của người dân sống trong khu vực.	Xây dựng tuyến đường Vành đai 1 dài khoảng 7.062,50m; đường giao thông đô thị cấp III	Đầu tư nâng cấp cải tạo các tuyến đường nội thị phường Ayun Pa và xã Ia Rbol sẽ giúp cải thiện cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật của thị xã, làm tăng cảnh quan đô thị, nâng cao năng lực vận tải phục vụ nhu cầu đi lại và hoạt động sản xuất của người dân sống trong khu vực.	Phù hợp với Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai đến năm 2030		
5	Đường trục chính kết nối Khu đô thị CK54, Khu công nghiệp Trà Đa đến trung tâm phường Pleiku và xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai	B	phường Pleiku, xã Biển Hồ	2026-2029	Đã phê duyệt CTĐT	197/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	640.000	640.000	0	0	0	0	640.000	Nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông đô thị theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu lưu thông và vận tải ngày càng tăng, đặc biệt là nhu cầu vận chuyển hàng hóa của Khu công nghiệp Trà Đa.	Gồm 02 tuyến đường Tôn Thất Thuyết và đường Ngô Quyền, Tổng chiều dài đầu tư khoảng L = 9,35 km.	Dự án được xây dựng sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông đô thị theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu lưu thông và vận tải ngày càng tăng, đặc biệt là nhu cầu vận chuyển hàng hóa của Khu công nghiệp Trà Đa	Dương tôn Thuận Thuyết: Theo Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng phường Thống Nhất phường Hoa Lư và một phần đường Đồng Đa được phê duyệt tại Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Gia Lai. Đường Ngô Quyền: Phù hợp với quy hoạch khu vực Pleiku giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lấy kế vốn đã bố trí				Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn gia: đoạn 2026-2030	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô dự án	Tình hình thi dự án	Số phê hợp với quy hoạch (****)	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
								NSTW	NST		NSTW	NST							
6	Dự án: Tuyến giao thông biên giới tỉnh Gia Lai	B	Xã Ia Lâu, Xã Ia Mơ	2026-2028	Đã phê duyệt CTĐT	925/QĐ-UBND ngày 16/03/2026	220.000	220.000	0	0	0	0	220.000	<p>Đây là tuyến đường huyết mạch nối liền Đường Tỉnh 665, trung tâm xã Ia Lâu với QL14C qua thời gian khai thác và sử dụng đang xuống cấp, hư hỏng, việc đi lại hết sức khó khăn, bên cạnh đó lưu lượng phương tiện qua lại ngày một tăng cao nên với mặt đường hiện tại không đáp ứng nhu cầu đi lại tuần tra kiểm soát an ninh cũng như vận chuyển hàng hóa của nhân dân và tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao</p>	<p>Chiều dài tuyến khoảng L = 23,0 km, được chia thành 02 đoạn. + Đoạn Km0+00 – Km0+900, chiều dài L = 0,9 km: Tân dựng nền, mặt đường bê tông xi măng hiện có (Bn = 9,5 m, Bm = 7,5 m), đầu tư hệ thống thoát nước dọc hai bên tuyến. + Đoạn Km0+900 – Km23+00, chiều dài L = 22,1 km: Cơ bản tân dựng nền đường hiện có; đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện nền, mặt đường.</p>	<p>Đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của nhân dân, khu vực sạch đẹp, hành lan thông thoáng; Phát triển hoàn thiện hạ tầng giao thông, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, giao thông đi lại thuận lợi hơn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.</p>	<p>Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của TTCP</p>		
7	Cầu thị Nại 2, thành phố Quy Nhơn	B	Phường Quy Nhơn Đông	2026-2029	Đã phê duyệt CTĐT	04/NQ-HĐND; 177/2020; 1804/UBND-XDCT; 10/2/2026	2.295.000	2.295.000	0				2.295.000	<p>Cầu Thị Nại hiện hữu được xây dựng từ năm 2003 và đưa vào khai thác sử dụng tháng 12/2006. Đây là cây cầu huyết mạch nối liền thành phố Quy Nhơn với bán đảo Phương Mai. Tuy nhiên, theo dự báo nhu cầu vận tải được đưa ra trong điều chỉnh tổng quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định đến năm 2040, lưu lượng giao thông khoảng 41.438 - 60.337 xe/ngày như vậy để đáp ứng được nhu cầu phát triển giao thông đô thị thì cầu Thị Nại phải đảm bảo cho 6 làn xe cơ giới. Do đó, việc xây dựng cầu Thị Nại 2 bên cạnh cầu Thị Nại hiện hữu là mục tiêu cần thiết cần triển khai xây dựng.</p>	<p>Chiều dài tuyến khoảng 4Km; Phần cầu Thị Nại 2 có chiều dài L=2,477km (nằm ở thượng lưu cầu Thị Nại hiện trạng); Phần đường: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị thứ yếu (TCXDVN 104:2007); Xây dựng phần diện chiếu sáng và cây xanh để tạo mỹ quan.</p>	<p>Tỷ suất nội hoàn tài chính E-IRR: 14,41%; Giá trị hiện tại thuần NPV: 328,94 tỷ đồng; Tỷ suất lợi ích/chi phí (B/C): 1,35</p>	<p>Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP</p>		
8	Tuyến đường kết nối đường chuyên dụng phía Tây Khu kinh tế Nhơn Hội với tuyến đường ven biển đoạn Cát Tiên - Diêm Văn	B	Gia Lai	2025-2028	Đã phê duyệt CTĐT	32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.118.270	1.118.270	0				1.118.270	<p>Nhằm từng bước đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Nhơn Hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thì việc đầu tư tuyến đường kết nối đường chuyên dụng phía Tây Khu kinh tế Nhơn Hội với tuyến đường ven biển đoạn Cát Tiên - Diêm Văn là cần thiết.</p>	<p>Chiều dài tuyến 13,2km</p>	<p>Dự án hình thành sẽ tăng cường kết nối giao thông các địa phương phía Đông ven biển của tỉnh với trung tâm Quy Nhơn; kết nối Cảng hàng không Phú Cát và các dự án phía Bắc của Khu kinh tế với Cảng Nhơn Hội; Phát triển quỹ đất, tạo thuận lợi thu hút đầu tư, góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.</p>	<p>Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP</p>		
9	Xây dựng thay thế các cầu yếu trên địa bàn tỉnh	B	Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		500.000	500.000	0	0	0	0	500.000	<p>Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương</p>	<p>Thay thế các cầu yếu cấp thiết cần đầu tư trên địa bàn tỉnh: Cầu Mơ Năng 2, xã Ia Pa; Cầu Ia Rsaí, xã Ia Rsaí; Cầu qua sông Sê San; Cầu Đăk Pơ Ket, xã SRố ...</p>	<p>Dự án mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội và củng cố an ninh quốc phòng.</p>	<p>Phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông tỉnh.</p>		
10	Dự án giao thông các xã biên giới đảm bảo an ninh, quốc phòng	B	Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		600.000	600.000	0	0	0	0	600.000	<p>Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.</p>	<p>+ Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 14C; Đường liên xã biên giới Ia Chia - Ia O; Đường vào xã biên giới Ia Puch. Đường vào xã biên giới Ia Phôn</p>	<p>Dự án mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội và củng cố an ninh quốc phòng.</p>	<p>Phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông tỉnh.</p>		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bỏ trí				Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô dự án	Tỉnh khả thi dự án	Sự phù hợp với quy hoạch (***)	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
								NSTW	NST		NSTW	NST							
11	Xử lý các nút giao tại Pleiku	B	Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		810.000	810.000	0	0	0	0	810.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương. + Nút giao thông Hội Phú: Bố trí cầu vượt địa hình trên tuyến đường chính Hùng Vương. Tỉnh không cầu vượt qua đường: H=4,75m.	- Nút giao thông Hoa Lư: Bố trí hầm chui trên tuyến đường chính (Phạm Văn Đồng - Nguyễn Tất Thành). Các đoạn hầm kín được bố trí qua phạm vi giao cắt với các tuyến đường giao Phan Đình Phùng, Trần Hưng Đạo-CMTR, Lê Lợi, còn lại bố trí các đoạn hầm hở. Dự án mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội và củng cố an ninh quốc phòng.	Phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông tỉnh.			
12	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Pleiku - Lệ Thanh	A	Gia Lai	2029-2032			12.468.000	12.468.000					200.000	Việc đầu tư tuyến đường hoàn thành sẽ cùng với hệ thống mạng lưới đường bộ cao tốc đã và đang được đầu tư xây dựng, tuyến đường sẽ là yếu tố then chốt để hoàn thiện mạng lưới đường cao tốc, liên kết vùng, đảm bảo khai thác đồng bộ, nâng cao hiệu quả đầu tư của tất cả các tuyến đường bộ cao tốc trong khu vực	Chiều dài tuyến khoảng 52,1km	Sự hình thành của tuyến cao tốc này mang ý nghĩa thiết thực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên. Về quốc phòng, an ninh, tuyến cao tốc đóng vai trò là trục cơ động chiến lược, bảo đảm khả năng ứng phó nhanh với các tình huống khẩn cấp, tăng cường năng lực bảo vệ biên giới, kiểm soát an ninh khu vực, và góp phần giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia tại địa bàn Tây Nguyên, khu vực trọng yếu của Tổ quốc.	Phù hợp Quy hoạch mạng lưới giao thông tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn sau	
d)	Nông nghiệp												19.036.000						
1	Dự án Đập dâng Hà Thanh 2	B	xã Canh Vinh, xã Tuy Phước Tây, phường Quy Nhơn Tây	2025-2027	Đã khởi công	346/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	280.000	150.000	130.000	76.020	0	76.020	150.000	Việc đầu tư dự án nhằm trữ nước tạo nguồn ở hạ lưu, bổ sung lưu lượng vào mùa khô đảm bảo nhu cầu nguồn nước phục vụ sinh hoạt, cấp nước tạo nguồn các trạm bơm và thay thế một phần cho các trạm bơm hiện trạng để tưới cho khoảng 590 ha đất nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước cho Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Becamex; cải tạo cảnh quan môi trường, điều hòa khí hậu khu vực; kết hợp giao thông trên đập thay thế cho cầu Bình Long đã bị gãy; góp phần phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững.	Xây dựng đập dâng trên sông Hà Thanh thuộc xã Canh Vinh, cách cầu Canh Vinh về hạ lưu khoảng 530m; đập dài 180m, kết cấu bằng bê tông cốt thép, gồm các cửa xả sâu và đường tràn hai bên, điều tiết dòng mở bằng máy tời điện; kết hợp cầu giao thông qua đập tại Bình Long cũ đã bị gãy) và các hạng mục phụ	Dự án xây dựng hoàn thành sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng nguồn nước cho sinh hoạt của người dân, tạo nguồn cấp nước cho nông nghiệp, cấp nước cho công nghiệp. Việc thực hiện dự án sẽ góp phần cải thiện điều kiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, cải tạo cảnh quan môi trường, chống sa mạc hóa đồng sông, điều hòa khí hậu khu vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng bền vững.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP		
2	Dự án Hồ chứa nước suối Lôm - Suối Chiếp, xã Văn Canh	B	xã Văn Canh	2026-2029	Đã phê duyệt dự án đầu tư	1056/QĐ-UBND; 26/3/2025	695.000	600.000	95.000	500	0	500	600.000	Nhu cầu về nước cấp cho nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế của huyện Văn Canh (nay là xã Văn Canh, xã Canh Vinh) và hạ du sông Hà Thanh là rất lớn, đến năm 2040 khoảng 55.000 m ³ ngày-đêm. Cần phải xây dựng thêm các hồ chứa nước trong lưu vực sông Hà Thanh để điều tiết dòng chảy nhằm đảm bảo một phần nhu cầu cấp nước, giảm lũ cho hạ du và chống sa mạc hóa cho sông Hà Thanh.	- Xây dựng hồ chứa nước Suối Lôm có dung tích 0,46 triệu m ³ nước; - Xây dựng hồ chứa nước Suối Chiếp có dung tích 17,18 triệu m ³ nước.	Dự án xây dựng hoàn thành sẽ phát huy hiệu quả công trình, góp phần cắt giảm lũ trên hệ thống sông Hà Thanh, giảm ngập lụt cho vùng hạ du. Tạo nguồn, cấp nước sinh hoạt, phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nâng cao năng suất cây trồng, nâng cao đời sống của người dân trong vùng hưởng lợi dọc lưu vực sông Hà Thanh. Cải tạo cảnh quan môi trường, chống sa mạc hóa đồng sông, điều hòa khí hậu khu vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng bền vững.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí				Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô dự án	Tỉnh khả thi dự án	Sự phù hợp với quy hoạch (***)	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
								NSTW	NST		NSTW	NST							
3	Xây mới các hồ chứa, đập dâng phục vụ tưới tiêu và cấp nước sinh hoạt cho khu vực Tây tỉnh Gia Lai	A	Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư	0	6.576.000	6.576.000	0	0	0	0	6.576.000	Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của tỉnh hiện có khoảng 763.600 ha, tập trung chủ yếu tại khu vực phía Tây tỉnh. Tuy nhiên, nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện đang thiếu hụt nghiêm trọng, đặc biệt tại khu vực phía Tây. Việc đầu tư các công trình hồ chứa nước và đập dâng khu vực phía Tây tỉnh là hết sức cần thiết nhằm tạo nguồn nước ổn định, chi đóng phục vụ sản xuất và sinh hoạt, giảm phụ thuộc vào nước mưa, hạn chế thiệt hại do hạn hán kéo dài tại khu vực phía Tây tỉnh	Dự án đầu tư xây dựng mới 12 hồ chứa nước và 01 đập dâng, kèm hệ thống kênh tưới và các hạng mục phụ trợ đồng bộ tại khu vực phía Tây tỉnh Gia Lai, với tổng dung tích thiết kế khoảng 83-88 triệu m ³ .	Dự án hoàn thành sẽ đảm bảo cấp nước tưới ổn định cho trên 13.480 ha đất sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện hình thành vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Đồng thời, dự án cung cấp nguồn nước sinh hoạt ổn định, an toàn cho hơn 17.900 người dân, góp phần giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nước kéo dài tại các khu vực vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn thường xuyên hạn hán.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của TTCP		
4	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa và hệ thống kênh tưới cấp bách	A	tỉnh Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư	0	2.365.000	2.365.000	0	0	0	0	2.365.000	Hiện nay, tỉnh Gia Lai có tổng cộng 283 hồ chứa nước (không bao gồm hồ la Mờ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý), trong đó 87 hồ lớn, 49 hồ vừa và 147 hồ nhỏ. Tuy nhiên, nhiều công trình đã xây dựng từ lâu, hư hỏng, xuống cấp, không còn đáp ứng yêu cầu vận hành, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn đập, sự cố công trình và ngập lụt hạ du, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, thời tiết cực đoan, mưa lũ bất thường. Nhu cầu nâng cấp, sửa chữa và tăng khả năng cắt lũ, đặc biệt đối với hồ Định Bình, trở nên hết sức cấp thiết nhằm bảo đảm an toàn đập, giảm thiểu rủi ro lũ lụt vùng hạ du, đồng thời nâng cao hiệu quả tích trữ và điều tiết nguồn nước, đáp ứng nhu cầu tưới tiêu ổn định và cấp nước sinh hoạt lâu dài.	Các hạng mục chính bao gồm: Gia cố, nâng cấp đập; cải tạo, mở rộng dung tích hồ chứa; sửa chữa, nâng cấp tràn xả lũ và công lý nước; hiện đại hóa công trình quản lý - vận hành và hệ thống giám sát an toàn đập, hồ chứa theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Dự án được gồm 03 dự án công trình thành phần, tập trung vào các công trình có vai trò điều tiết, cắt lũ, cấp nước và bảo đảm an toàn khu vực hạ du	Dự án hoàn thành sẽ khôi phục, nâng cao năng lực tích trữ, điều tiết và cấp nước cho các công trình thủy lợi trong điểm, góp phần bảo đảm an toàn hồ đập và an toàn vùng hạ du, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp	Dự án phù hợp Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023		
5	Dự án nâng cấp, sửa chữa đê, kè cấp bách	A	Gia Lai	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư	0	3.889.000	3.889.000	0	0	0	0	3.889.000	Dự án nhằm củng cố, xây dựng hạ tầng phòng, chống thiên tai nhằm chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên.	Kè cấp bách sạt lở, bảo vệ khu dân cư trên sông Lai Giang. Tuyến kè chống sạt lở, bảo vệ khu dân cư Kè Kho Dầu thuộc phường Hoài Nhôm Bắc; Kè chống sạt lở Sông Ba (khu vực Bôn Hoàn 1 và 2, xã Ia Sao), sông Ia Sól (kè bờ tây); Kè chống sạt lở suối Hết Phũ (Đoạn từ đường Lê Thánh Tôn đến đường Chu Mạnh Trinh); Kè chống sạt lở Sông Xương; Đập sông Nôm, phường Hoài Nhôm Bắc; Kè đê sông An Hòa (đoạn Thôn Xuân phong Tây); Kè xóm Nhôm An; Tuyến kè sông La tính đoạn từ Quốc lộ 1A đến nhà máy nước thôn Vĩnh Long; Xây dựng mới Cầu Diêm và Cầu Ông Xuân gắn với mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ khu phố Hy Thế dân khu phố Quý Thuận, phường Hoài Nhôm Bắc; Tuyến kè đê 3 thôn Gia Đức; Kè chống sạt lở bờ sông An Lão (thôn Mỹ Đức), xã Ân Hòa; Kè khu vực sạt lở bờ đồng sông Ia Sól	Dự án hoàn thành sẽ khôi phục, nâng cao năng lực chống chịu với các đợt mưa, lũ, góp phần bảo vệ tài sản nhân dân trên địa bàn trong mùa mưa lũ.			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô dự án	Tình hình thi dự án	Sự phù hợp với quy hoạch (****)	Ghi chú	
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
								NSTW	NST		NSTW	NST							
6	Đầu tư cảng cá Tam Quan	A	phường Hoài Nhơn Bắc	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		4.500.000	4.500.000	0	0	0	0	4.500.000	<p>Hiện nay, hạ tầng cảng cá Tam Quan đã xuống cấp; mức độ cơ giới hóa thấp; công tác kiểm soát, quản lý còn hạn chế, chưa được số hóa, chưa đáp ứng yêu cầu minh bạch dữ liệu và truy xuất nguồn gốc thủy sản. Khu neo đậu bị bồi lấp cục bộ, luồng ra vào hẹp, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn khi có sóng lớn hoặc triều thấp.</p> <p>Trước yêu cầu phát triển mới, việc đầu tư xây dựng cảng cá theo hướng thông minh, hiện đại, ứng dụng công nghệ số trong quản lý tàu cá, sản lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc; kết hợp phát triển trung tâm logistics lạnh, đầu giá thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá là xu thế tất yếu.</p>	<p>Xây dựng để chắn sóng ngoài biển, bao gồm: (i) để chắn sóng phía bắc chiều dài 600m, (ii) để chắn sóng phía nam dài 1.600m; Xây dựng 0,6 km kè bờ dạng tường đứng kết hợp neo tàu trước mặt cảng; Xây dựng hạ tầng và các công trình thuộc khu cảng cá diện tích 15,0ha; Khu hậu cần nghề cá, kho lạnh, khu phân loại thủy sản; Trung tâm điều hành cảng cá thông minh; Hệ thống công nghệ số; Giám sát tàu cá, truy xuất nguồn gốc, quản lý sản lượng thủy sản khai thác; Hạ tầng kỹ thuật đồng bộ (giao thông, điện, nước, xử lý môi trường)</p>	<p>Dự án khi hình thành sẽ góp phần từng bước phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững, ứng dụng công nghệ khai thác tiên tiến nhằm nâng cao giá trị khai thác, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho ngư dân, góp phần tháo gỡ thế vàng của Ủy ban châu Âu.</p> <p>Đồng thời khi cảng cá hình thành sẽ tạo động lực giúp ngư dân của tỉnh nhà an tâm vươn khơi bám biển, góp phần giữ vững chủ quyền biển đảo của đất nước.</p>	<p>Phù hợp với Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>		
7	Bổ trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai	B	tỉnh Gia Lai	2025-2026	Đang chuẩn bị đầu tư		950.000	950.000					950.000	<p>Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu và dao động thời tiết cực đoan đã làm gia tăng tần suất và cường độ các hiện tượng sạt lở bờ biển, lũ ống, lũ quét, sạt lở, sạt lở đất ven sông, sạt lở núi,...việc trồng cây di dời tạm thời mỗi khi có thiên tai vừa tốn kém, vừa không bền vững. Để chủ động phòng, chống thiên tai một cách căn cơ, lâu dài, bảo đảm an toàn tuyệt đối tính mạng và tài sản cho Nhân dân, việc bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư ra khỏi các vùng có nguy cơ cao về thiên tai là yêu cầu cấp bách.</p>	<p>Bổ trí ổn định cho 1.858 hộ dân</p>	<p>Việc thực hiện các dự án góp phần di dời khoảng 1.858 hộ dân ra khỏi vùng nguy hiểm, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản và ổn định đời sống lâu dài. Đồng thời, các khu tái định cư được đầu tư đồng bộ, gắn với hỗ trợ sinh kế, góp phần giảm nghèo bền vững.</p>	<p>Các dự án, chương án được đầu tư xây dựng phù hợp với Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan.</p>		
d)	Hạ tầng kỹ thuật												300.000						
1	Dự án hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	B	xã Ia Dom	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		200.000	200.000	0	0	0	0	200.000	<p>Việc đầu tư dự án là hết sức cần thiết nhằm từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông chính kết nối Khu Cảng cạn (IDC) với các khu khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh và kết nối các khu vực khác thông qua mạng lưới đường giao thông quốc gia (Quốc lộ 19, Quốc lộ 14C), qua đó tạo điều kiện thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.</p>	<p>Đường nối từ Quốc lộ 19 đến QL 14C (Khu cảng cạn) - Đường D1. Tổng chiều dài: tuyến: L=1,6Km và các hạng mục khác</p>	<p>Dự án cụ thể hoá Quy hoạch phân khu 1 khu đô thị cửa khẩu Lệ Thanh (tỷ lệ 1:2000) thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh; bảo đảm kết nối đồng bộ giữa các khu chức năng, đồng thời tăng cường liên kết giữa Khu kinh tế với hệ thống giao thông quốc gia, qua đó tạo điều kiện thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.</p>	<p>Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của TTCP</p>		
2	Hạ tầng kỹ thuật, trung tâm hành chính mới của tỉnh	B	phường Quy Nhơn Đông	2027-2030	Đang chuẩn bị đầu tư		4.000.000	4.000.000					100.000						Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn sau
e)	Thể thao												100.000						

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ dự án	Quyết định phê duyệt CTDT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bỏ trí			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Sự cần thiết đầu tư	Quy mô dự án	Tỉnh khả thi dự án	Sự phù hợp với quy hoạch (***)	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó							
								NSTW	NST		NSTW	NST						
1	Xây dựng Khu liên hợp Thể thao	A	phường Quy Nhơn Bắc	2027-2030	Dang chuẩn bị đầu tư		3.000.000	3.000.000	0	0	0	0	100.000	Hiện nay hình thức kiến trúc các công trình tại khu vực chưa đặc sắc, phát triển tự phát thiếu kiểm soát. Cần đầu tư để từng bước cụ thể hóa đồ án quy hoạch phân khu, tạo lập mặt đô thị hiện đại, đồng bộ về hạ tầng, đẩy lùi các tiện ích hạ tầng xã hội cấp đô thị phục vụ nhu cầu gia tăng của người dân tại khu vực của ngõ phía Bắc Quy Nhơn, đồng thời tạo động lực phát triển mới cho vùng.	Tổng diện tích đất Khu liên hợp thể thao quy hoạch là 343.718 m2 (khoảng 34,37 ha) bao gồm: Sân vận động 30.000 chỗ ngồi, Nhà thi đấu đa năng 3.000 chỗ, Bể bơi 1.000 chỗ và Khu ký túc xá có sức chứa 2.000 vận động viên/chuyên gia	Với việc đầu tư cơ sở vật chất đồng bộ, quy mô lớn và đạt chuẩn, Khu liên hợp Thể thao hoàn toàn đủ năng lực và điều kiện để đăng cai tổ chức các giải đấu thể thao tầm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế. Dự án sẽ trở thành đơn bẩy chiến lược gắn kết chặt chẽ với ngành kinh tế mũi nhọn là du lịch, tạo ra các sự kiện điểm nhấn thu hút du khách; qua đó góp phần quảng bá mạnh mẽ hình ảnh, văn hóa, du lịch và tiềm năng phát triển của tỉnh nhà đến với bạn bè quốc tế	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn sau
<i>g)</i>	<i>Văn hóa</i>												600.000					
1	Bảo tàng tỉnh Gia Lai	B	phường Quy Nhơn	2025-2028	Đã phê duyệt CTDT	87/NQ-HĐND; 6/12/2023; 49/NQHĐND; 3/5/2025	732.723	600.000	132.723	742	0	742	600.000	Dự án nhằm mục đích trưng bày các hiện vật có giá trị lịch sử của tỉnh một cách hiệu quả và khoa học, giúp người xem có cái nhìn toàn diện về lịch sử của tỉnh từ quá khứ đến hiện tại. Đồng thời nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo tồn, phát huy và gìn giữ những giá trị văn hoá	Xây dựng công trình trên khu đất có diện tích khoảng 1,3ha. Công trình gồm 04 tầng nổi, có tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 15.860m2.	Dự án thu thập, bảo quản và trưng bày các hiện vật có giá trị lịch sử của tỉnh một cách hiệu quả và khoa học, giúp người xem có cái nhìn toàn diện về lịch sử vùng đất Bình Định từ quá khứ đến hiện tại, quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước hoa chung vào dòng chảy của lịch sử dân tộc. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo tồn, phát huy và gìn giữ những giá trị văn hóa.	Phù hợp Quy hoạch tỉnh tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 24/12/2023 của TTCP	



TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Số Hiệp định, Ngày ký kết hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu và các QĐ đầu tư điều chỉnh							Dự kiến Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú	
					TMĐT							Trong đó:								
					Trong đó:							Trong đó:								
					Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tinh bảng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tinh bảng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt				
Tổng số	NSTW	NS tinh	Tổng số	NSTW cấp phát		Ngân sách tinh vay lại	Tổng số		NSTW	NS tinh	Tổng số		NSTW cấp phát	Ngân sách tinh vay lại						
TỔNG SỐ					36.270.851	11.566.374	0	11.566.374	0	24.704.478	21.236.827	#####	11.936.572	3.676.959	0	3.677.000	0	14.517.108	12.327.388	2.190.000
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030				1.006.769	228.295	0	228.295	0	778.474	444.812	333.662	72.483	18.400	0	18.441	0	54.083	52.055	2.028
1	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIFEM)	ADB	4100-VIE ký ngày 31/12/2021	5331/QĐ-UBND, 29/12/2020; 2566/QĐ-UBND 12/8/2022	909.049	218.583		218.583	29 triệu USD	690.466	356.804	333.662	29.198	10.000		10.000		19.198	17.170	2.028
2	Làng Hòa Bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định	KOICA	LOA-2023-Bình Định DPI - 47 ký ngày 06/10/2023	1616/QĐ-UBND, 09/4/2026	97.720	9.712		9.712	3,8 triệu USD	88.008	88.008	0	43.285	8.400		8.441		34.885	34.885	0
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030				14.115.545	4.545.015	0	4.545.015	0	9.570.531	7.872.089	#####	11.864.089	3.658.559	0	3.658.559	0	8.205.531	6.643.589	1.561.942
1	Dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định	WB	98720-VN ký ngày 12/12/2025	3617/QĐ-UBND ngày 04/11/2022; 4376/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	2.660.000	1.080.000		1.080.000	68,4 triệu USD	1.580.000	790.000	790.000	2.411.626	831.626		831.626		1.580.000	790.000	790.000
2	Dự án Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Gia Lai	ADB	Các Hiệp định số 2000005743, 2000005363 và 2000005705 ký ngày 12/12/2025	93/QĐ-UBND, 14/02/2025	617.409	132.349		132.349	20,0 triệu USD	485.060	383.197	101.863	610.427	125.367		125.367		485.060	383.197	101.863

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Số Hiệp định, Ngày ký kết hiệp định	Quyết định đầu tư ban đầu và các QĐ đầu tư điều chỉnh								Dự kiến Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030						Ghi chú		
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
						Tổng số	Trong đó		Tinh bảng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó		Tinh bảng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			
							NSTW	NS tỉnh		Tổng số				NSTW cấp phát	Ngân sách tỉnh vay lại		Tổng số		NSTW	NS tỉnh
3	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai	ADB		652/QĐ-UBND, 09/6/2023; 1127/QĐ-UBND, 29/12/2023	440.036	115.064	115.064	14,0 triệu USD	324.972	229.563	95.409	434.036	109.064	109.064	324.972	229.563	95.409	Đang thực hiện quy trình ký Hiệp định		
4	Bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng bền vững ở Tây Nguyên - tỉnh Gia Lai	KfW		1824/QĐ-UBND, 24/4/2026; 1167/QĐ-TTg, 16/6/2025	448.100	92.602	92.602	11 triệu Euro	355.499	326.829	28.669	448.000	92.502	92.502	355.499	326.829	28.669	Đã phê duyệt Chủ trương đầu tư		
5	Dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Gia Lai Mở rộng	WB			9.950.000	3.125.000	3.125.000		6.825.000	6.142.500	682.500	7.960.000	2.500.000	2.500.000	5.460.000	4.914.000	546.000	Đã trình Đề xuất khoản vay		
III	Dự án đang nghiên cứu phương án đầu tư để Đề xuất khoản vay				21.148.537	6.793.064	0	6.793.064	14.355.473	12.919.926	#####	0	0	0	0	6.257.494	5.631.744	626.031		
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ của sông Hà Thanh, sông Kôn	WB			5.411.620	2.160.200	2.160.200		3.251.420	2.926.278	325.142				2.926.278	2.633.650	292.628			
2	Dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn đô thị Quy Nhơn và các đô thị vệ tinh An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn	WB			4.492.917	1.438.571	1.438.571	121,6 triệu USD	3.054.346	2.748.911	305.435				916.304	824.673	91.631			
3	Xây dựng hạ tầng thúc đẩy phát triển toàn diện khu vực Tây Gia Lai	ADB			11.244.000	3.194.293	3.194.293	335,4 triệu USD	8.049.707	7.244.737	804.971				2.414.912	2.173.421	241.772			

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
	TỔNG SỐ							65.743.000		
A	CÁC NHIỆM VỤ							41.987.000		
1	Vốn phân cấp xã phường							11.790.000		
2	Vốn chuẩn bị đầu tư							260.000		
3	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh							35.000		
4	Chi NHCS XH tỉnh							2.000.000		
5	Vốn thanh toán các công trình quyết toán							350.000		
6	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành							35.000		
7	Hỗ trợ trả nợ các dự án cấp huyện							5.000.000		
8	Trả nợ ngân sách							900.000		
9	Chương trình BTXM giao thông nông thôn và kiên cố hóa kênh mương							1.250.000		
10	Các Chương trình mục tiêu quốc gia							2.500.000		
11	Đối ứng các dự án ODA							3.677.000		
12	Bộ chỉ ngân sách							2.190.000		
13	Hỗ trợ đầu tư các dự án trên địa bàn các xã, phường							6.000.000		
14	Vốn dự phòng							6.000.000		
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP							11.235.224		
a)	An ninh							16.514		
1	Dự án Nhà làm việc Ban Giám đốc, khối trực thuộc, an ninh, xây dựng lực lượng và hội trường thuộc Công an tỉnh Bình Định (nay là Công an tỉnh Gia Lai)	3905/QĐ-BCA-H02 ngày 30/5/2022	157.000	99.000	58.000	132.000	84.000	48.000	10.000	
2	Trụ sở làm việc công an xã Ân Đức, huyện Hoài Ân	103/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2024	4.430	0	2.450	1.800	0	1.800	650	
3	Trụ sở làm việc công an xã Ân Tín, huyện Hoài Ân	104/QĐ-SKHĐT; 27/5/2024	5.039	0	2.450	2.300	0	2.300	150	
4	Trụ sở làm việc công an xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân	114/QĐ-SKHĐT ngày 06/6/2024	4.805	0	2.450	2.330	0	2.330	120	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
5	Trụ sở làm việc Công an xã Tây Phú	149/QĐ-SKHĐT ngày 24/7/2024	3.755	0	2.450	1.398	0	1.398	1.052	
6	Trụ sở làm việc Công an xã Cát Chánh	179/QĐ-SKHĐT ngày 16/9/2024	3.429	0	1.715	600	0	600	1.115	
7	Trụ sở làm việc Công an xã Cát Nhơn	192/QĐ-SKHĐT ngày 01/10/2024	3.457	0	1.728	600	0	600	1.128	
8	Trụ sở làm việc Công an xã Cát Sơn	180/QĐ-SKHĐT ngày 16/9/2024	3.497	0	1.749	600	0	600	1.149	
9	Trụ sở làm việc Công an xã Cát Thắng	183/QĐ-SKHĐT ngày 19/9/2024	3.500	0	1.750	600	0	600	1.150	
b)	Quốc phòng								114.289	
1	Dự án: Sh06	1442/QĐ-QK 19/9/2022	40.000	0	40.000	30.562	0	30.562	6.000	
2	Dự án: Sh07	1443/QĐ-QK 19/9/2022	40.000	0	40.000	25.285	0	25.285	9.000	
3	Dự án: Sh03-BĐ2021	Số 1822/QĐ-QK 25/11/2022	42.469	0	42.469	20.500	0	20.500	21.969	
4	Dự án Hải đội dân quân thường trực tỉnh Bình Định	4525/QĐ-UBND ngày 30/12/2025; 329/QĐ-UBND.m ngày 19/12/2025	86.320		86.320	9.000	0	9.000	77.320	
c)	An sinh xã hội								85.545	
1	Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn - Cơ sở 2	3334/QĐ-UBND; 25/9/2024	126.576	0	126.576	41.031	0	41.031	85.545	
d)	Giáo dục								54.267	
1	Xây dựng trường học nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại 07 xã biên giới	3170/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	1.516.340	1.506.340	10.000	397.149	397.149	0	10.000	
2	Dự án: Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải Trường THPT Hùng Vương (Trường THPT Bùi Thị Xuân)	2132/QĐ-UBND ngày 17/06/2024	40.000	0	40.000	24.519	0	24.519	15.481	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
3	Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	1778/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 779/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	346.287	0	346.287	290.193	0	290.193	16.000	
4	Dự án: Trường Trung học phổ thông Hòa Bình (HM: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng)	226/QĐ-SKHĐT ngày 13/11/2024	6.500	0	6.500	4.940	0	4.940	1.560	
5	Dự án: Trường Trung học phổ thông số 3 Tuy Phước (HM: Cải tạo, mở rộng Nhà lớp học bộ môn (Xây dựng bổ sung 03 phòng học bộ môn))	227/QĐ-SKHĐT ngày 13/11/2024	5.000	0	5.000	3.552	0	3.552	1.448	
6	Dự án: Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thái Học (HM: Nhà hiệu bộ)	230/QĐ-SKHĐT ngày 13/11/2024	5.000	0	5.000	3.373	0	3.373	1.627	
7	Dự án: Trường Trung học phổ thông Trần Quang Diệu (HM: Nhà hiệu bộ)	229/QĐ-SKHĐT ngày 13/11/2024	3.500	0	3.500	2.693	0	2.693	807	
8	Dự án: Trường Trung học phổ thông Tam Quan (HM: Cải tạo, mở rộng Nhà lớp học 03 tầng 06 phòng (Xây dựng bổ sung 03 phòng))	228/QĐ-SKHĐT ngày 13/11/2024	3.500	0	3.500	3.373	0	3.373	127	
9	Trường THCS thị trấn Vân Canh (cơ sở 2), huyện Vân Canh	2608/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	20.498	0	8.500	3.744	0	3.744	4.755	
10	Trường TH Tăng Doãn Văn, thôn Thề Thạnh, Ân Thạnh (Hạng mục: Khu hiệu bộ, phòng bộ môn)	205/QĐ-SKHĐT ngày 11/10/2024	10.695	0	6.125	4.862	0	4.862	1.263	
11	Trường THCS An Tân; hạng mục: Xây dựng nhà đa năng	121/QĐ-SKHĐT - 24/06/2024	6.606	0	1.800	600	0	600	1.200	
d)	Y tế								700.507	
1	Xây dựng mới và trang thiết bị y tế cho khối phụ - sản của Bệnh viện Nhi	1116/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	200.000	0	200.000	120.000	0	120.000	80.000	
2	Xây dựng Bệnh viện 331	854/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	238.300	0	238.300	26.129	0	26.129	212.171	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà khoa Khám Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định	1994/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	38.847	0	38.847	17.115	0	17.115	21.732	
4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định	244/QĐ-SKHĐT ngày 28/11/2024	5.999	0	5.999	3.000	0	3.000	2.999	
5	Trung tâm Y tế huyện An Lão	262/QĐ-UBND ngày 21/01/2025	17.500	0	17.500	8.619	0	8.619	8.881	
6	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	4205/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	17.000	0	17.000	9.556	0	9.556	7.444	
7	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	1410/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	37.000	0	37.000	6.848	0	6.848	30.152	
8	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	3728/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	19.000	0	19.000	10.178	0	10.178	8.822	
9	Trung tâm Y tế huyện Kbang	1102/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	110.000	0	100.000	39.000	0	39.000	61.000	
10	Xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Cát Tiến	199/QĐ-SKHĐT ngày 04/10/2024	7.764	0	2.250	1.300	0	1.300	950	
11	Xây dựng mới Trạm y tế xã Ân Thạnh	277/QĐ-SKHĐT ngày 23/12/2024	5.650	0	945	300	0	300	645	
12	Xây mới Trạm y tế xã Ân Phong	182/QĐ-SKHĐT ngày 18/9/2024	8.321	0	4.410	3.400	0	3.400	1.010	
13	Xây mới Trạm y tế thị trấn An Lão	209/QĐ-SKHĐT ngày 17/10/2024	7.763	0	5.670	3.000	0	3.000	2.670	
14	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế phường Trần Quang Diệu	7627/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	3.177	0	405	0	0	0	405	
15	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Mỹ An	267/QĐ-SKHĐT ngày 12/12/2024	3.486	0	1.575	500	0	500	1.075	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
16	Trạm y tế xã Cát Hải, huyện Phù Cát	16/QĐ-SKHĐT ngày 10/01/2025	6.942	0	3.269	500	0	500	2.769	
17	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Canh Vinh	278/QĐ-SKHĐT; 23/12/2024	3.898	0	3.130	1.000	0	1.000	2.130	
18	Nâng cấp, cải tạo khối nhà khu B và khối nhà khu C của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	223/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	61.000		61.000	44.000		44.000	17.000	
19	Dự án: Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh (Xây dựng mới đơn nguyên)	2233/QĐ-UBND; 15/10/2025	699.260	550.000	149.260	5.268	0	5.268	143.992	
20	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Mắt Bình Định (Giai đoạn 2)	1539/QĐ-UBND; 23/8/2025	299.659	200.000	99.659	5.000	0	5.000	94.659	
g)	Văn hóa								255.814	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt tháp Chăm Dương Long	4215/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	93.333	70.000	23.333	18.600	18.000	600	22.733	
2	Nhà hát, trung tâm triển lãm văn hoá, nghệ thuật và thư viện tổng hợp tỉnh Gia Lai	853/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	200.000	0	200.000	6.460	0	6.460	193.540	
3	Xây dựng hạ tầng cảnh quan phía sau Bảo tàng Quang Trung	3234/QĐ-UBND ngày 27/12/2025	28.442	0	28.442	8.600	0	8.600	19.842	
4	Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử Lăng mộ Hiền tổ khảo Tây Sơn Tam Kiệt	392/QĐ-STC ngày 31/12/2025	19.151	0	19.151	4.000	0	4.000	15.151	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Những địa điểm ghi lại tội ác của quân Nam Triều Tiên tàn sát nhân dân từ ngày 02/02/1966 đến ngày 26/02/1966 tại Bình An	386/QĐ-STC ngày 30/12/2025	12.241	0	12.241	8.530	0	8.530	3.711	
6	Chống xuống cấp, tu bổ và phát huy giá trị di tích Quốc gia Tháp Thủ Thiện	73/QĐ-SKHĐT ngày 22/4/2023	5.453	0	5.453	4.616	0	4.616	837	
h)	Thể thao								1.718	
1	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng sân vận động Quy Nhơn	280/QĐ-SKHĐT ngày 27/12/2024	11.813	0	11.813	10.095	0	10.095	1.718	
i)	Phát thanh truyền hình								21.659	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
1	Dự án: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định	2254/QĐ-UBND; 25/6/2024	44.998	0	44.998	16.523	0	16.523	21.659	
k)	Môi trường								24.295	
1	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn (công nghệ lò đốt)	4601/QĐ-UBND; 31/12/2024	47.835	0	29.318	5.023	0	5.023	24.295	
m)	Quản lý nhà nước								15.631	
1	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trường Chính trị tỉnh	340/QĐ-STC; 08/12/2025	11.692	0	11.692	6.138	0	6.138	5.554	
2	Trụ sở HĐND và UBND huyện Kông Chro	01/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	24.000	0	20.000	9.620	0	9.620	10.077	
n)	Hạ tầng kỹ thuật								2.784.632	
1	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	QĐ 616/QĐ-BQL ngày 30/12/2024	178.601	0	178.601	91.148	0	91.148	35.000	
2	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Phù Mỹ và các dự án lân cận (Điểm tái định cư Mỹ An)	135/QĐ-BQL ngày 25/08/2025	429.639	0	429.639	22.130	0	22.130	407.510	
3	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Phù Mỹ và các dự án lân cận (Điểm tái định cư Mỹ Thọ)	147/QĐ-BQL ngày 28/8/2025	302.284	0	302.284	79.954	0	79.954	222.330	
4	Khu cải táng xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ	176/QĐ-BQL ngày 12/09/2025	81.028	0	81.028	27.750	0	27.750	53.278	
5	Khu cải táng xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ	177/QĐ-BQL ngày 12/09/2025	35.888	0	35.888	16.950	0	16.950	18.938	
6	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tạo quỹ đất phục vụ đấu giá các dự án đã triển khai dở dang trong KKT Nhơn Hội	09/QĐ-BQL ngày 07/01/2025	123.200	0	123.200	15.958	0	15.958	3.000	
7	Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Văn, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	5169/QĐ-UBND ngày 18/12/2020; 1308/QĐ-UBND ngày 21/4/2023; 3707/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	571.522	0	571.522	347.874	0	347.874	100.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
8	Dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Văn, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	5202/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; 2448/QĐ-UBND ngày 05/7/2023; 3727/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	173.000	0	173.000	119.200	0	119.200	53.800	
9	Dự án Khu dân cư An Quang Tây tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	1226/QĐ-UBND 15/4/2022; 3702/QĐ-UBND 23/10/2024	165.000	0	165.000	42.694	0	42.694	122.306	
10	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật tại khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ Giao thông Vận tải Bình Định và các khu vực liền kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	129/QĐ-UBND ngày 12/01/2026	273.886	0	273.886	130.655	0	130.655	34.000	
11	Dự án:bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh	581/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	1.499.854	0	1.499.854	686.956	0	686.956	812.899	
12	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu tái định cư xã Trà Đa, thành phố Pleiku	4765/QĐ-UBND ngày 11/12/2021; 2078/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	7.030	0	7.030	3.109	0	3.109	3.921	
13	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu dân cư Trà Đa giai đoạn 2, thành phố Pleiku	2065/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	16.468	0	16.468	14.787	0	14.787	1.681	
14	Khu dân cư Hội Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	số 4843/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; số 5129/QĐ-UBND ngày 31/12/2021;số1962/QĐ-UBND	15.923	0	15.923	0	0	0	15.923	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
15	Bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu đô thị CK54, xã Trà Đa cũ nay là phường Pleiku	765/QĐ-UBND ngày 03/6/2025	29.161	0	29.161	0	0	0	29.161	
16	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật và các dự án khác thuộc khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	Các Quyết định phê duyệt phương án	142.102	0	142.102	141.731	0	141.731	431	
17	Dự án: Khu TĐC Bắc Công viên khoa học thuộc Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	126/QĐ-UBND ngày 14/01/2019; 266/QĐ-UBND ngày 22/01/2024; 1744/QĐ	81.328	0	81.328	45.442	0	45.442	28.400	
18	Dự án : Hạ tầng kỹ thuật khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	1779/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	193.103	0	193.103	96.728	0	96.728	1.000	
19	Hạ tầng kỹ thuật Khu cải tạo phục vụ GPMB dự án Khu đô thị Nam đường Hùng Vương và các dự án khác trên địa bàn thành phố Quy Nhơn	3059/QĐ-UBND Ngày 17/8/2023, 1872/QĐ-UBND NGÀY 27/5/2024, 219/QĐ	21.896	0	21.896	11.600	0	11.600	2.000	
20	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài	QĐ số 1246/QĐ-UBND ngày 08/4/2021; số 5187/QĐ-UBND ngày 27/12/2021; 1177/QĐ-	238.057	0	238.057	153.512	0	153.512	14.000	
21	Khu đất phía Tây Nam Cầu Long Vân, Phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn	Quyết định 370/QĐ-STC ngày 25/12/2025	15.030	0	15.030	12.959	0	12.959	1.865	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
22	HTKT khu đất xung quanh Trường Cao Đẳng Bình Định	779/QĐ-UBND ngày 12/3/2022, 1614/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	151.168	0	151.168	132.875	0	132.875	18.293	
23	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất phía Tây Trường Cao đẳng Bình Định, Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	4732/QĐ-UBND - 20/12/2023	290.761	0	290.761	39.391	0	39.391	251.370	
24	Đầu tư xây dựng HTKT Khu tái định cư HH1,HH2 tại KV1 phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	1169/QĐ-UBND ngày 06/4/2018; QĐ số 1769/QĐ-UBND ngày 06/5/2021, 2506/QĐ-UBND - ngày 05/11/2025	39.473	0	39.473	35.069	0	35.069	4.404	
25	Đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật, Khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Peiku	526/QĐ-UBND ngày 4/05/2023	400.200	0	400.200	42.065	0	42.065	358.135	
26	Dự án HTKT Khu đô thị Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	130/QĐ-UBND - 12/01/2026	177.690	0	177.690	172.172	0	172.172	3.879	
27	Hạ tầng kỹ thuật khu vực Trung đoàn Vận tải 655, Phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn	Quyết định 4825/QĐ-UBND ngày 31/12/2015, 227/QĐ-UBND - 16/01/2026	106.076	0	106.076	96.626	0	96.626	9.450	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
28	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa	3129/QĐ-UBND; 22/8/2023; 297/QĐ-UBND; 23/01/2024; 1943/QĐ-	291.580	0	291.580	113.921	0	113.921	177.659	
<i>o)</i>	Nông nghiệp								1.544.801	
1	Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khươl, huyện Chư Păh	1135/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	150.000	100.000	50.000	36.217	36.217	0	50.000	
2	Dự án Đập dâng Phú Xuân	3117/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	90.000	0	90.000	50.996	0	50.996	39.004	
3	Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai thôn Trà Cong, xã An Hòa	2030/QĐ-UBND ngày 15/6/2025	44.657	0	44.657	14.780	0	14.780	29.877	
4	Dự án Đập dâng Hà Thanh 2	2003/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	280.000	150.000	130.000	76.020	0	76.020	53.980	
5	Dự án Kiên cố hoàn chỉnh Kênh tiêu 3 huyện (An Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước)	1046/QĐ-UBND ngày 06/8/2025	195.600	0	195.600	18.737	0	18.737	176.863	
6	Dự án Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ suối Trầu thuộc Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	2004/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	485.000	0	485.000	26.089	0	26.089	458.911	
7	Cấp nước ven biển huyện Phù Mỹ	4953/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	106.305	0	101.912	36.013	0	36.013	50.000	
8	Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã phía Bắc huyện Tây Sơn	687/QĐ-UBND ngày 01/3/2024	126.531	0	121.323	29.722	0	29.722	71.323	
9	Cấp nước sinh hoạt Tây Bắc huyện Phù Cát và Tây Nam huyện Phù Mỹ	2052/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	208.869	0	202.407	18.421	0	18.421	152.407	
10	Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức - huyện Hoài Ân	3017/QĐ-UBND ngày 28/03/2024	39.976	0	22.089	17.915	0	17.915	4.174	
11	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Thạnh	2155/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	25.000	0	18.738	5.737	0	5.737	12.263	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
12	Kè chống sạt lở, bảo vệ khu dân cư Ca Công, Ca Công Nam		236.000		236.000	20.000		20.000	216.000	
13	Kè chống sạt lở, bảo vệ khu dân cư từ Định Trị đến Công Lương		144.000		144.000	24.000		24.000	120.000	
14	Kè cấp bách sạt lở, bảo vệ khu dân cư dọc sông Lại Giang		113.000		113.000	3.000		3.000	110.000	
p)	Giao thông								5.615.552	
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19)	1143/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.325.000	900.000	425.000	1.002.200	900.000	102.200	248.002	
2	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trường Chinh – đường Lê Thánh Tôn), thành phố Pleiku.	1136/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	260.000	260.000	0	185.742	185.742	0	34.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku								452.505	
-	<i>Dự án thành phần 1: đoạn tuyến từ Km0+000 - Km22+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku</i>	<i>2710/QĐ-UBND; 22/11/2025</i>	<i>6.989.000</i>	<i>6.285.670</i>	<i>703.330</i>	<i>677.330</i>	<i>24.000</i>	<i>653.330</i>	<i>50.000</i>	
-	<i>Dự án thành phần 2: đoạn tuyến từ Km22+000 - Km90+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku</i>	<i>426/QĐ-UBND; 30/01/2026</i>	<i>27.576.000</i>	<i>27.529.330</i>	<i>46.670</i>	<i>61.000</i>	<i>46.000</i>	<i>15.000</i>	<i>31.670</i>	
-	<i>Dự án thành phần 3 đoạn tuyến từ km90+000-km125+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku</i>	<i>2927/QĐ-UBND ngày 04/12/2025</i>	<i>9.169.000</i>	<i>8.669.000</i>	<i>500.000</i>	<i>159.165</i>	<i>30.000</i>	<i>129.165</i>	<i>370.835</i>	
4	Cải tạo nút giao thông Phù Đồng, thành phố Pleiku	194/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 và 3077/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	143.207	0	143.207	20.720	0	20.720	122.487	
5	Tuyến đường nối từ nút T24 đường trục KKT Nhơn Hội ra biển	392/QĐ-BQL ngày 26/11/2025	49.001	0	49.001	16.336	0	16.336	32.665	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
6	Dự án Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu	4085/QĐ-UBND; 06/11/2023; 1916/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	204.837	0	204.837	119.257	0	119.257	85.580	
7	Đường dẫn nối khu thương mại dịch vụ dân cư Đồng Bàu đến mốc giao thông phía đông xã An Hòa	4499/QĐ-UBND 04/12/2023	18.551	0	7.104	5.087	0	5.087	2.017	
8	Dự án Đường liên xã huyện Đak Đoa	632/NQ-HĐND ngày 02/6/2023	100.000	100.000	0	100.000	100.000	0	7.500	
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Võ Văn Dũng, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh	19/QĐ-SKHĐT ngày 17/01/2024	14.332	0	10.766	8.916	0	8.916	1.850	
10	Dự án Tuyến đường Cửu Lợi, phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn	3684/QĐ-UBND ngày 22/10/2024; 1838/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	44.805	0	7.567	6.452	0	6.452	1.115	
11	Đường nội thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	85/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; 1090/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; 447/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	130.000	0	130.000	72.000	0	72.000	viện	
12	Đường liên xã huyện Chư Puh	681/QĐ-UBND ngày 13/2/2026	102.500	90.000	12.500	90.000	90.000		12.500	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 (Năm Tấn) đến ĐT.639, tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 (Chợ Bông) đến ĐT.638 và tuyến đường từ cầu Chui Quốc lộ 1 cũ (Hoài Châu Bắc) đến đường bê tông Trường Xuân Đông (Tam Quan Bắc), thị xã Hoài Nhơn	1896/QĐ-UBND ngày 04/6/2025; 2291/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	300.940	0	60.957	39.956	0	39.956	21.001	
14	Đường phía Đông thị trấn nhơn Hòa, huyện Chư Pưh	1531/QĐ-UBND ngày 02/4/2026	85.000	0	85.000	50.000	0	50.000	35.000	
15	Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến – Diêm Vân	3728/QĐ-UBND; 08/9/2021 3902/QĐ-UBND; 11/11/2024	2.674.648	1.800.000	874.648	2.325.000	1.800.000	525.000	340.000	
16	Dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	2914/QĐ-UBND; 08/9/2022 425/QĐ-UBND; 16/12/2024	1.724.917	600.000	1.124.917	1.227.702	600.000	627.702	490.000	
17	Đầu tư xây dựng đường cất hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát	1807/QĐ-UBND; 28/5/2025	3.245.090	1.500.000	1.745.090	1.702.000	1.500.000	202.000	1.543.090	
18	Dự án Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn	4874/QĐ-UBND; 28/12/2023; 3020/QĐ-UBND; 28/12/2025	79.285	0	79.285	16.439	0	16.439	62.846	
19	Dự án Tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đến đường ven biển (ĐT.639) kết nối với Cảng Đề Gi	1565/QĐ-UBND; 26/8/2025	1.432.000	1.200.000	232.000	80.500	0	80.500	151.500	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
20	Tuyến đường kết nối từ Cao tốc Bắc - Nam về Khu công nghiệp Phù Mỹ và Bến cảng Phù Mỹ	1045/QĐ-UBND; 6/8/2025	2.114.646	1.900.000	214.646	105.000	0	105.000	109.646	
21	Dự án Xây dựng cầu An Lão, Km25+727, tuyến ĐT.629	2488/QĐ-UBND; 30/6/2025	118.740	0	118.740	21.100	0	21.100	97.640	
22	Cầu Bình Thành, huyện Tây Sơn	3074/QĐ-UBND; 17/8/2023; 337/QĐ-UBND; 26/01/2026;	180.764	0	180.764	20.859	0	20.859	159.905	
23	Dự án: Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn	4020/QĐ-UBND; 20/11/2024; 170/QĐ-UBND; 14/01/2026	117.612	0	117.612	105.479	0	105.479	8.516	
24	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.638 (đoạn trung tâm xã Nhơn Phúc đến trung tâm xã Nhơn Lộc)	700/QĐ-UBND; 13/02/2026; 4042/QĐ-UBND; 22/11/2024	91.244	0	91.244	65.420	0	65.420	25.824	
25	Mở rộng đường phía Tây huyện Vân Canh, đoạn từ thôn Thịnh Văn 1 đến làng Hiệp Hà	287/QĐ-UBND; 22/01/2025	27.200	0	27.200	1.000	0	1.000	26.200	
26	Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát	4216/QĐ-UBND; 14/11/2023	434.308	0	434.308	15.000	0	15.000	419.308	
27	Xây dựng mới cầu vượt lù Mỹ Thành, huyện Hoài Ân	4214/QĐ-UBND; 06/12/2024	149.844	0	149.844	63.549	0	63.549	86.295	
28	Dự án: Cầu qua sông Kôn, từ Vĩnh Quang đi Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh	820/QĐ-UBND; 11/3/2024	74.856	0	74.856	21.297	0	21.297	53.559	
29	Dự án: Xây dựng mới cầu Định Bình, huyện Vĩnh Thạnh	688/QĐ-UBND; 03/3/2025	64.321	0	64.321	900	0	900	63.421	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
30	Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn	11/NQ-HĐND; 11/7/2019 56/NQ-HĐND; 21/9/2023 201/QĐ-UBND; 16/01/2026	458.499	0	458.499	30.456	0	30.456	428.043	
31	Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát)	04/QĐ-UBND; 04/01/2024; 670/QĐ-UBND; 12/02/2026	395.614	0	395.614	20.635	0	20.635	374.979	
32	Mở rộng nút giao đường ven biển Cát Tiến – Diêm Vân và Đường trục Khu kinh tế	294/QĐ-UBND; 22/01/2025	148.956	0	148.956	30.397	0	30.397	118.559	
C	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI								12.520.776	Chi tiết phụ lục 06



Phụ biểu 06

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án			Lũy kế vốn đã bỏ trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú	
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW			NST
	TỔNG SỐ							12.520.776		
a)	An ninh							450.000		
1	Dự án Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Công an cấp xã theo Đề án kèm Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 24/2/2026 của Thủ tướng Chính phủ (Dự kiến 55 trụ sở Công an xã)		660.000		330.000	0	0	0	330.000	
2	Dự án Nhà làm việc Khối an ninh thuộc Công an tỉnh Gia Lai		242.000		242.000	0	0	0	120.000	
b)	Quốc phòng								486.330	
1	Dự án: Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Giai đoạn 2026 - 2030		0		0	0	0	0	63.000	
2	Dự án Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc Sở Chỉ huy, Nhà khách nội bộ/Bộ CHQS tỉnh Gia Lai		0		0	0	0	0	14.000	
3	Doanh trại Đại đội kho VKĐ (K2)/Bộ CHQS tỉnh Gia Lai		0		0	0	0	0	25.000	
4	Đầu tư thiết bị trữ nước, cấp nước, xử lý nước cho các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng tại các đơn vị trực thuộc Bộ CHQS tỉnh Gia Lai		0		0	0	0	0	54.310	
5	Mua sắm, lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh bảo mật tại các đơn vị trực thuộc Bộ CHQS tỉnh Gia Lai		0		0	0	0	0	40.020	
6	Dự án: Thao trường huấn luyện, Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Gia Lai		0		0	0	0	0	40.000	
7	Dự án: Đường hầm Sở Chỉ huy của tỉnh		0		0	0	0	0	50.000	
8	Sở chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Gia Lai								200.000	
c)	An sinh xã hội								19.528	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
1	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội Bình Định; hạng mục: Xây mới nhà làm việc, nhà ở đối tượng khuyết tật nặng, cải tạo sửa chữa nhà đối tượng nam, nhà bảo vệ, tường rào công ngõ và hạ tầng kỹ thuật	2371/QĐ-UBND ngày 26/10/2025	19.528	0	19.528	0	0	0	19.528	
d)	Y tế								176.795	
1	Dự án Hệ thống xử lý nước thải thuộc Bệnh viện Đa khoa Gia Lai	706/QĐ-UBND ngày 13/02/2027	19.900		19.900				19.900	
2	Dự án Xây dựng Khu hành chính thuộc Bệnh viện Đa khoa Gia Lai	688/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	32.077		32.077				32.077	
3	Dự án: Sửa chữa, nâng cấp Khu nhà điều trị 300 giường thuộc Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh	1940/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh	47.500		47.500				47.500	
4	Xây dựng, sửa chữa, nâng cao Trung tâm Y tế Quy Nhơn	844/QĐ-UBND; 7/3/2026	51.000		51.000				51.000	
5	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	1615/QĐ-UBND ngày 8/4/2026	26.318		26.318				26.318	
e)	Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số								108.763	
1	Dự án: Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định (nay là Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai)	978/QĐ-UBND; 20/03/2026	29.500	0	29.500	737	0	737	28.763	
2	Đầu tư thiết bị Công nghệ thông tin và hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của Tỉnh ủy đến các cơ quan đảng tỉnh Gia Lai.		80.000		80.000	0	0	0	80.000	
g)	Văn hóa								267.087	
1	Bảo tàng tỉnh Gia Lai	87/NQ-HĐND; 6/12/2023; 49/NQHĐND; 3/5/2025	732.723	600.000	132.723	742	0	742	131.982	
2	Cải tạo, sửa chữa Thư viện tỉnh	4222/QĐ-UBND; 07/12/2024	16.990		16.990	0	0	0	16.990	
3	Nhà lưu niệm Chi bộ Đảng Hà Ra - Phú Hựu tại thôn Phú Há, xã Phú Mỹ Bắc	1906/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	47.000		47.000				47.000	
4	Tu bổ, tôn tạo Khu Đền thờ Nữ tướng Bùi Thị Xuân - Trần Quang Diệu		9.377		9.377	0	0	0	9.377	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
5	Xây dựng Nhà lưu niệm và chỉnh trang cơ sở hạ tầng cảnh quan tại Khu di tích lịch sử cách mạng Núi Bà		14.038		14.038	0	0	0	14.038	
6	Xây dựng, tu bổ di tích Nước Mặn, nơi phối thai chữ Quốc Ngữ		25.000		25.000	0	0	0	25.000	
7	Sửa chữa, khắc phục các công trình văn hóa, thể thao		7.700		7.700				7.700	
9	Cải tạo, sửa chữa Thư viện Pleiku		15.000		15.000	0	0	0	15.000	
h)	Thể thao								40.656	
1	Cải tạo, sửa chữa Trường năng khiếu Thể dục – Thể thao thành Trung tâm tập luyện Thể dục thể thao tỉnh	995/QĐ-UBND; 03/8/2025	15.656		15.656	0	0	0	15.656	
3	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, hạ tầng tại Sân Vận động Quy Nhơn và Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao tỉnh Gia Lai		25.000		25.000	0	0	0	25.000	
i)	Phát thanh truyền hình								73.354	
1	Mua sắm các thiết bị chuyên dùng lĩnh vực phát thanh và truyền hình giai đoạn 2024-2027	90/NQ-HĐND ngày 12/12/2024	73.354		73.354				73.354	
k)	Môi trường								9.900	
1	Nâng bờ bao ô chôn lấp hiện trạng (ô A1 và ô B) thuộc bãi chôn lấp chất thải rắn phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai		30.945		9.900				9.900	
l)	Tài nguyên								70.000	
1	Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	587/QĐ-UBND ngày 05/11/2022	53.000		53.000	0	0	0	70.000	
k)	Môi trường								7.987	
1	Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Phù Mỹ (Giai đoạn 2), hạng mục: Xây dựng mới 02 ô chôn lấp và nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước rỉ rác		10.534		7.987				7.987	
m)	Quản lý nhà nước								340.478	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
1	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Gia Lai	134/QĐ-UBND ngày 07/3/2023	20.000		20.000	310	0	310	19.690	
2	Sửa chữa trụ sở 219 Nguyễn Huệ, phường Quy Nhơn	336/QĐ-STC; 04/12/2025	19.474	0	19.474	200	0	200	19.274	
3	Dự án Trụ sở Trường Chính trị tỉnh	Số 47/NQ-HĐND ngày 27/9/2024	269.106		269.106	1.186	0	1.186	269.106	
4	Sửa chữa, cải tạo nhà ở công vụ Thanh Bình (giai đoạn 2)	0	0		0	0	0	0	19.462	
5	Cải tạo, sửa chữa trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi	0	12.946		12.946	0	0	0	12.946	
n)	Hạ tầng kỹ thuật								3.993.413	
1	Khu cải táng, mai táng phía Nam nghĩa trang thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát	3834/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	36.000		36.000	83	0	83	35.914	
2	Nghĩa trang nhân dân thôn 4, xã Tây Sơn	915/QĐ-UBND ngày 14/03/2026	22.771		22.771	400	0	400	21.191	
3	Dự án: Di dời các doanh nghiệp trong Cụm công nghiệp Nhơn Bình	QĐ số 927/QĐ-UBND ngày 17/3/2026	780.386	0	780.386	0	0	0	584.542	
4	Lát gạch Block vỉa hè Khu TĐC Nhơn Phước	992/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	30.000		30.000	280	0	280	29.688	
5	Dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư Diêm Vân, xã Tuy Phước	837/QĐ-UBND ngày 06/3/2026	150.000		150.000	0	0	0	150.000	
6	Dự án khu dân cư tại xã Canh Vinh, huyện Văn Canh	Nghị quyết 57/NQ-HĐND	415.739		415.739	0	0	0	415.739	
7	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Công trình kho bãi tại Trung tâm dịch vụ kho vận logistics, Quốc lộ 19 (mới), xã Tuy Phước (giai đoạn 2)	1902/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	76.469		76.469	0	0	0	76.469	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bỏ tri			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
8	Nghĩa trang nhân dân thôn An Đức, xã Phú Cát	1902/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	137.581		137.581	0	0	0	137.581	
9	Dự án Khu tái định cư tại phía Tây Bàu Hồ, phường Hoà Nhon Đông	1902/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	229.910		229.910	0	0	0	229.910	
10	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Trung tâm dịch vụ Đá Trắng		410.385		410.385				410.385	
11	Dự án nâng cấp trạm cấp nước hiện có và hệ thống cấp nước đến các khu chức năng (Khu phi thuế quan, Logistics và Khu công nghiệp)	0	35.000		35.000	0	0	0	35.000	
12	Bồi thường, hỗ trợ di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tại cụm công nghiệp Quang Trung, phường Quy Nhơn Nam	0	380.913		380.913	0	0	0	380.913	
13	Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án Khu dân cư Nam Đề Gi tại xã Cát Tiến, tỉnh Gia Lai	0	52.157		52.157	0	0	0	52.157	
14	Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án Khu dịch vụ kho bãi (KB-DV 01) tại khu đất dọc Quốc lộ 19 (mới)	0	24.704		24.704	0	0	0	24.704	
15	Khu tái định cư Cát Trinh (Khu A)		403.324		403.324				403.324	
16	Khu dân cư tại khu vực Bang Bang, phường Hoà Nhon Đông (Khu A)		643.010		643.010				643.010	
17	Khu dân cư tại tổ dân phố Phú Xuân, phường Hoà Nhon Đông		93.772		93.772				93.772	
18	Khu dân cư tại tổ dân phố Diêu Quang, phường Hoà Nhon Đông		166.523		166.523				166.523	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
19	Khu cải tạo phía Nam Nghĩa trang nhân dân hiện trạng tại tổ dân phố Xuân Vinh, phường Hoài Nhơn Đông		47.110		47.110				47.110	
20	Khu cải tạo phía Tây Bắc, tổ dân phố Lộ Diêu, phường Hoài Nhơn Đông		55.481		55.481				55.481	
o)	Nông nghiệp								1.491.908	
1	Dự án Đập dâng Cây Dừa, huyện Tuy Phước	916/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	80.000		80.000	500	0	500	80.000	
2	Dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2026-2030	880/QĐ-UBND; 14/3/2025	285.000		285.000	500	0	500	285.000	
3	Dự án Hồ chứa nước suối Lớn - Suối Chiếp, xã Văn Canh	1056/QĐ-UBND; 26/3/2025	695.000	600.000	95.000	500	0	500	94.500	
4	Dự án Tiêu thoát lũ sông Hà Thanh, đoạn từ cầu sông Ngang đến đập Phú Xuân	937/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	492.000		492.000	500	0	500	492.000	
5	Dự án Sửa chữa hồ chứa Ia Rìng, xã Bờ Ngoong	2901/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	27.000		27.000	100	0	100	27.000	
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước An và Phước Thành huyện Tuy Phước	2929/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	65.742		65.742	634	0	634	65.108	
7	Sửa chữa kênh tưới hồ Cẩn Hậu - Hệ thống Cẩn Hậu	0	15.000		15.000	0	0	0	15.000	
8	Đầu tư, kiên cố kênh tiêu trong hệ thống công trình do Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định quản lý vận hành	0	90.000		90.000	0	0	0	90.000	
9	'Bê tông hóa mặt đê bờ hữu sông La Tinh, xã An Lương, tỉnh Gia Lai	0	6.300		6.300	0	0	0	6.300	
10	Dự án đầu tư phát triển rừng bền vững Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh..	0	154.000		154.000	0	0	0	154.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bỏ tri			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
11	Nâng cấp Nhà máy cấp nước Tây Giang-Tây Thuận cấp nước cho xã Bình Thành	0	40.000		40.000	0	0	0	40.000	
12	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Phong	0	50.000		50.000	0	0	0	50.000	
13	Dự án Nạo vét hệ thống tiêu thoát lũ Hà Thanh	0	36.000		36.000	0	0	0	36.000	
14	Kè suối Bình Trị (đoạn hạ lưu đập Cây Kê)		32.000		22.000				22.000	
15	Nâng cấp bờ suối Lò Ô đến giáp Quốc lộ 19B xã Xuân An		30.000		20.000				20.000	
	Kè sông La Tinh đoạn Vạn Thái đi Vạn Ninh 2		20.000		15.000				15.000	
p)	Giao thông								4.527.425	
1	Đường ven biển đoạn Cầu Thiện Chánh đi Quảng Ngãi	870/QĐ-UBND; 14/3/2025	1.088.000	635.000	453.000	250	0	250	452.750	
2	Các tuyến đường kết nối Đông - Tây	0	9.963.520	8.100.000	1.863.520	0	0	0	1.863.520	
3	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng mang tính chất cấp bách tại khu vực đèo Mang Yang (Đoạn từ Km108+00 - Km129+00), tuyến Quốc lộ 19	2480/QĐ-UBND ngày 03/11/2025	19.500		19.500	0	0	0	19.000	
4	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng đoạn Km90+00 - km108+00, tuyến Quốc lộ 19 thuộc địa bàn xã Đak Pơ	504/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	16.000		16.000	0	0	0	16.000	
5	Kè chống sạt lở suối Hội Phú (đoạn từ đường Lê Thành Tôn đến đường Nguyễn Trung Trực - Chùa Minh Thành), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	346/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	450.164	200.000	250.164	8.175	4.230	3.945	246.219	
6	Đường vào Cụm công nghiệp Gò Cây	2609/QĐ-UBND; 13/11/2025	29.838	0	29.838	766	0	766	29.072	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
7	Đường vào Cụm công nghiệp Bình Tân, xã Bình Tân	35/QĐ-STC; 26/01/2026	21.506	0	10.753	450	0	450	10.303	
8	Mở rộng, cải tạo nút giao thông tại khu vực ngã 5 Đổng Đa - Hoa Lư	332/QĐ-UBND; 26/01/2026	512.760	0	512.760	200	0	200	497.211	
9	Dự án Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Dương Minh Châu), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	128/QĐ-UBND ngày 06/3/2023	190.000		190.000	0	0	0	190.000	
10	Dự án Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ trường Chính trị đến trường Lâm nghiệp), thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai	1063/QĐ-UBND ngày 02/12/2023	160.000		160.000	0	0	0	160.000	
11	Dự án Tuyến đường kết nối từ đường bộ cao tốc Bắc - Nam đến Khu Công nghiệp Hoài Mỹ, Hoài Nhơn	2238/QĐ-UBND; 26/6/2025	1.616.000	1.400.000	216.000	400	0	400	215.600	
14	Đường vào Khu và Cụm công nghiệp Tây Giang	1597/QĐ-UBND; 07/4/2026;	88.401	0	88.401	0	0	0	94.850	
15	Nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 19 xã Ayun, Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh	3154/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	105.000		105.000	0	0	0	105.000	
16	Đường Trần Văn Bình	486/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	100.000		100.000	0	0	0	100.000	
17	Dự án đường liên xã huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai	354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 và 285/NQ-HĐND ngày 20/10/2023	70.000		70.000	0	0	0	70.000	
18	Dự án: Xây dựng cầu Đồng Xiêm Km39+482, Quốc lộ 19	315/QĐ-UBND ngày 21/01/2026	45.000		45.000	0	0	0	45.000	
20	Tuyến đường kết nối từ ĐT.633 đến điểm di tích Hòn Chuông	3019/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	125.000		125.000				125.000	
21	Đường giao thông huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	41/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	80.000		80.000				80.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
22	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	708/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	55.000		55.000				55.000	
23	Đường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	502/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	70.000		70.000				70.000	
24	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Mỹ Khánh đến chợ Hoài Hải và cầu Hoài Hải, phường Hoài Nhơn Đông.		63.000		63.000				63.000	
25	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn đường tiềm ẩn xảy ra tai nạn giao thông trên Quốc lộ 19 (đoạn từ Km67+00 đến Km70+500; Km83+600 đến Km89+900) và tuyến tránh An Khê (đoạn từ Km 0+00 đến Km13+600)		19.900		19.900	0	0	0	19.900	
26	Đường kết nối Cao tốc đường bộ Bắc - Nam với Quốc lộ 1A (đường Lê Lợi nối dài)		305.799		79.200				79.200	
27	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Quang Trung, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai		576.437		100.000				100.000	
28	Nâng cấp, mở rộng đường vào làng nghề nón ngựa Phú Gia, xã Xuân An		19.500		13.900				13.900	
29	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1A cũ đến Quốc lộ 1A mới (tuyến đường Trần Phú) phường Bồng Sơn		78.328		31.331				31.331	
30	Tuyến đường Cự Tài, xã Hoài Phú đến cụm công nghiệp Tam Quan, phường Hoài Nhơn Tây		79.302		31.721				31.721	
31	Tuyến đường từ Chợ Đố (xã Phù Mỹ Nam) đi xã Phù Mỹ		27.000		15.000				15.000	
32	Dự án đường liên xã Kon Gang-Mang Yang, tỉnh Gia Lai.		35.000		35.000	0	0	0	35.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				NSTW	NST		NSTW	NST		
33	Nâng cấp, mở rộng đường Vũ Lăng, xã Gào, tỉnh Gia Lai		151.222		151.222	0	0	0	151.000	



Phụ biểu 07

DANH MỤC ĐẦU TƯ KHI CÓ NGUỒN VỐN NSDP PHÁT SINH

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó			
				NSTW	NST		
	TỔNG SỐ					8.014.763	
I	Giao thông					5.211.021	
1	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn đường hay xảy ra tai nạn giao thông, tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến Quốc lộ 14 (gồm: đoạn Km1564+327-km1565+400, Km1591+200-km1591+400, km 1610+00-km 1610+500, Km 1611+100 - km1616 + 00, Km 1620 +00 - km1628 +00, Km 1658 +200 - km 1659 +00, Km 1660 +00 - km 1660 +900, Km 1664 +300 - km 1667 + 00)	0	9.900		9.900	9.900	
2	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn đường hay xảy ra tai nạn giao thông, tiềm ẩn tai nạn giao thông trên tuyến QL.25 (đoạn từ Km 111 đến Km 122 và từ Km148+300 đến Km151+900)	0	14.000		14.000	14.000	
3	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn đường hay xảy ra tai nạn giao thông, tiềm ẩn tai nạn giao thông trên tuyến Quốc lộ 19 (đoạn từ Km180+00 đến Km188+00) và tuyến đường tránh Hồ Chí Minh (đoạn từ Km1600+500 đến Km1610+200)	0	13.900		13.900	13.900	
4	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn đường hay xảy ra tai nạn giao thông, tiềm ẩn tai nạn giao thông trên Quốc lộ 19B (đoạn từ km 22+080 đến Km35+900)	0	10.000		10.000	10.000	
5	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn đường hay xảy ra tai nạn giao thông, tiềm ẩn tai nạn giao thông đường Hồ Chí Minh đoạn tránh Chư Sê (từ Km0+00 đến Km10+821) và tuyến Quốc lộ 19 tránh Pleiku (từ Km0+00 đến Km13+00)	0	19.900		19.900	19.900	
6	Đường Trần Can	0	380.000		380.000	380.000	
7	Đường tỉnh 666		1.350.000		1.350.000	1.350.000	
8	Tuyến kết nối đường Hồ Chí Minh (Phạm Văn Đồng) và đường vành đai phía Tây Pleiku	0	1.500.000		1.500.000	1.500.000	
9	Xử lý, gia cố mái taluy dương tuyến đường Nhon Hội - Nhon Hải	0	75.025		75.025	75.025	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó			
				NSTW	NST		
10	Tuyến đường kết nối tuyến đường vành đai phía đông Khu Đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội ra quảng trường biển	0	24.480		24.480	24.480	
11	Tuyến đường nối từ đường ĐT639 ra biển (nằm giữa dự án Hồng Đức và Tân Thanh)	0	26.000		26.000	26.000	
12	Tuyến đường kết nối Khu kinh tế Nhơn Hội (Tuyến đường dẫn ra cảng tổng hợp Khu kinh tế Nhơn Hội)	0	127.400		127.400	127.400	
13	Tuyến đường phía Đông đầm thị Nại giai đoạn 1 (đoạn từ Hang Dơi - Hội Thành)	0	497.716		497.716	497.716	
14	Xây dựng cột mốc giới trên các tuyến quốc lộ phân cấp, các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường kết nối do Sở Xây dựng quản lý	0	35.000		35.000	35.000	
15	Dự án: Nâng cấp để đảm bảo giao thông, thông suốt không bị ách tắc giao thông vào mùa mưa lũ trên tuyến đường ĐT.629	0	200.000		200.000	200.000	
16	Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn qua xã An Hòa	0	60.000		60.000	60.000	
17	Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.636, đoạn qua xã Phước Quang	0	317.700		317.700	317.700	
18	Dự án: Xây dựng thay thế các cầu yếu, khổ hẹp: Cầu Giăng Dây Km13+020, tuyến ĐT.634; cầu Tấn Võ Km2+840, tuyến ĐT.636; cầu Đồng Trang Km43+300, cầu Bình Tân Km74+780, cầu Bàn Km79+650, cầu Vạn Phước Km80+700, cầu Bàn Km102+840, cầu Bàn Km118+650 tuyến ĐT.638; cầu Ông Là Km94+640 ĐT.639	0	80.000		80.000	80.000	
19	Dự án: Xây dựng thay thế cầu yếu, khổ hẹp: cầu Gò Bồi Km13+924 tuyến ĐT.640	0	60.000		60.000	60.000	
20	Dự án: Xây dựng thay thế các cầu khổ hẹp: Cầu Trắng II Km24+650, cầu Nước Xanh Km36+546, tuyến Quốc lộ 19	0	55.000		55.000	55.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó			
				NSTW	NST		
21	Dự án: Xây dựng kéo dài tuyến ĐT.637 đến giáp xã Sơn Lang, huyện K'Bang, Gia Lai	0	70.000		70.000	70.000	
22	Dự án: Nâng cấp để đảm bảo giao thông, thông suốt không bị ách tắc giao thông vào mùa mưa lũ trên tuyến đường ĐT.631, ĐT.640 qua địa bàn xã Tuy Phước Đông	0	100.000		100.000	100.000	
23	Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.640, đoạn qua xã Tuy Phước	0	85.000		85.000	85.000	
24	Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.630, đoạn qua xã Hoài Ân và phường Bồng Sơn	0	100.000		100.000	100.000	
II	Nông nghiệp					1.303.758	
1	Hồ Pờ Tó 2		372.000		372.000	372.000	
2	Xây dựng nhà máy nước sạch xã Ia Le		12.000		12.000	12.000	
3	Nâng cấp nhà máy nước sạch huyện Phú Thiện và Ia Pa		100.000		100.000	100.000	
4	Nâng cấp nhà máy nước sạch huyện Krông Pa		220.000		220.000	220.000	
5	Dự án Đầu tư công trình Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hồ Giang	0	10.000		10.000	10.000	
6	Dự án đầu tư đường cứu hộ 29 hồ chứa nước trong hệ thống công trình do Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định quản lý vận hành	0	72.000		72.000	72.000	
7	Dự án đầu tư bê tông hóa mặt đập 33 hồ chứa trong hệ thống công trình do Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định quản lý vận hành	0	51.000		51.000	51.000	
8	Đầu tư, sửa chữa các cầu qua kênh bị hư hỏng trong hệ thống công trình do Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định quản lý, vận hành	0	43.000		43.000	43.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó			
				NSTW	NST		
9	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương của tỉnh quản lý	0	103.000		103.000	103.000	
10	Đầu tư xây dựng bảo vệ và phát triển rừng khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng		70.000		70.000	70.000	
11	Dự án Nâng cao năng lực PCCCR cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030; tăng cường cơ sở vật chất của ngành NNPTNT cho PCCCR, phục vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	0	72.492		72.492	72.492	
12	tăng cường cơ sở vật chất của ngành NNPTNT cho PCCCR, phục vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	0	178.266		178.266	178.266	
III	Hạ tầng kỹ thuật					825.555	
1	Dự án Nâng cấp chuyển đổi hạ tầng KCN Trà Đa	0	5.000		5.000	5.000	
2	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị và du lịch An Quang, xã Đê Gi	0	335.200		335.200	335.200	
3	Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng chỉnh trang đô thị, thực hiện dự án Khách sạn, Trung tâm mua sắm phức hợp phường Pleiku	0	49.468		49.468	49.468	
4	Khu tái định cư Tân Thanh (giai đoạn 2)	0	226.702		226.702	226.702	
5	Khu đô thị và tái định cư Vĩnh Hội, Khu kinh tế Nhơn Hội	0	209.184		209.184	209.184	
IV	Quản lý nhà nước					219.770	
1	Dự án xây dựng và phát triển Trường Chính trị tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2026, định hướng đến 2030 (các hạng mục xây dựng trong 2026 - 2029)	Đề án số 03-ĐA/TU ngày 02/7/2024	133.110		133.110	133.110	
2	Dự án Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng (giai đoạn 2)	0	70.000		70.000	70.000	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy và đầu tư trang thiết bị lưu trữ, bảo quản tài liệu tại kho lưu trữ chuyên dụng	0	13.660		13.660	13.660	
4	Công trình: Chống thấm các kho lưu trữ hồ sơ, phường Pleiu	0	3.000		3.000	3.000	
V	Quốc phòng					301.775	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó			
				NSTW	NST		
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc BCHQS cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai		200.000		200.000	200.000	
2	Sửa chữa, cải tạo Trạm khách T102/Bộ CHQS tỉnh	0	20.000		20.000	20.000	
3	Doanh trại Đại đội Thông tin 1/Bộ CHQS tỉnh (Giai đoạn 2)	0	5.000		5.000	5.000	
4	Doanh trại Đại đội kho VKĐ (K1)/Bộ CHQS tỉnh Gia Lai	0	10.000		10.000	10.000	
5	Nhà ở cán bộ, Hội trường/eBB991	0	15.795		15.795	15.795	
6	Nhà ở đội trong coi căn cứ Hậu cần Đăk Sơ Mei	0	1.820		1.820	1.820	
7	Tường rào bảo vệ cơ quan Bộ CHQS tỉnh (hiện nay là Doanh trại Ban Chỉ huy PTKV 3- Thống Nhất và các đơn vị trực thuộc của Bộ CHQS tỉnh)	0	8.140		8.140	8.140	
8	Nhà làm việc + giảng đường: Cải tạo, nâng cấp nhà ở học viên S1, S2, S3, S4; Nhà ăn + bếp/Trung tâm GDQP-AN	0	31.520		31.520	31.520	
9	Nhà luyện tập tổng hợp/Đại đội Trinh sát cơ giới cơ sở 1/Bộ CHQS tỉnh	0	4.500		4.500	4.500	
10	Doanh trại Đại đội Trinh sát cơ giới cơ sở 2/Bộ CHQS tỉnh	0	5.000		5.000	5.000	
VI	Khoa học công nghệ					119.384	
1	Chính lý tài liệu lưu trữ sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.	0	15.000		15.000	15.000	
2	Đầu tư tăng cường tiềm lực Trung tâm khám phá khoa học		50.000		50.000	50.000	
3	Sửa chữa, bảo dưỡng công trình Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo		25.750		25.750	25.750	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT/ phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó			
				NSTW	NST		
4	Mua sắm thiết bị bay không người lái phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng	0	18.634		18.634	18.634	
5	Dự án đầu tư phát triển rừng bền vững Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh.	0	10.000		10.000	10.000	
VII	Thể thao					18.500	
1	Xây dựng khu nhà ở vận động viên; sân tập thể lực và các hạng mục khác tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Pleiku	0	18.500		18.500	18.500	
VIII	Môi trường					15.000	
1	Dự án Nâng cấp nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Trà Đa	0	15.000		15.000	15.000	